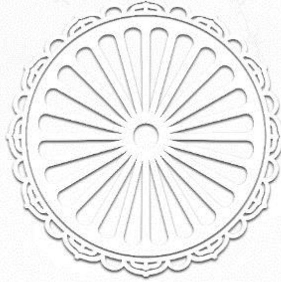
BUDDHASĀSANA THERAVĀDA



# KAMMA – NGHIỆP VÀO LÚC TỬ VÀ TÁI TỤC

*(KAMMA AT DEATH AND REBIRTH)*

**Sayadaw Dr. Nandamālābhivaṃsa**

Chuyển ngữ: Bhikkhu Abhikusala – Siêu Thiện

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM**
**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

**KAMMA – NGHIỆP VÀO LÚC TỬ VÀ TÁI TỤC**
**(KAMMA AT DEATH AND REBIRTH)**
**Sayadaw Dr. Nandamālābhivaṃsa**
Chuyển ngữ: Bhikkhu Abhikusala – Siêu Thiện
Phật lịch 2564 - Dương lịch 2020

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Bìa: Mỹ Hà
Đối tác liên kết:




THƯ VIỆN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY:
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM
Email: **webphatgiaonguyenthuy@gmail.com**
Website: **www.phatgiaonguyenthuy.com**
**www.phatgiaonguyenthuy.net**

In 3.000 bản, khổ 14,5cm x 20,5cm tại: Xưởng in Nguyễn Minh Hoàng.
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P. 13, Q. Tân Bình, TPHCM.
Số QĐXB của NXB: 300/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 08 tháng 06 năm 2020
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-9976-90-2
Số XNĐKXB: 2018-2020/CXBIPH/35 - 31/HĐ
In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

**NAMO TASSA BHAGAVATO**
**ARAHATO**
**SAMMĀSAMBUDDHASSA**

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN,
BẬC ỨNG CÚNG,
ĐẤNG CHÁNH TỰ GIÁC

# MỤC LỤC

**Độc giả lưu ý**

Kamma – Nghiệp Vào Lúc Tử Và Tái Tục là tuyển tựa trong các bài giảng của Sayadaw Dr. Nandamālābhivaṃsa và các bài nói Pháp (*dhamma*) trong suốt nhiều năm tại một số nơi ở Myanmar và nước ngoài như Hà Lan, Singapore và Malaysia. Một số bài nói chuyện phải được phiên âm hay dịch trước khi biên tập. Cảm ơn Ayya Aggañāṇi, người đã chịu khó dành thời gian để sàng lọc các lỗi ở các chương (về phần người biên soạn).

Người biên soạn

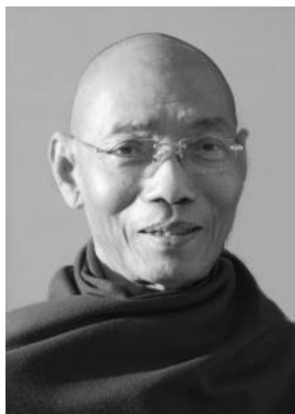
**Lời biết ơn**

Do rất hào hứng, tôi đã đọc phần sưu tập này và nhớ lại một cách sinh động các bài giảng và bài nói Pháp do Sayadaw Dr. Nandamālābhivaṃsa ở Hà Lan trong những năm qua mà tôi đã may mắn có mặt. Tôi cảm kích rất nhiều về việc làm rộng lượng mà người bạn Malaysia khiêm tốn của tôi, Sayalay Vimalañāṇī, đã thực hiện phần sưu tập này bất chấp hoàn cảnh khó khăn ở Sagaing, Myanmar, nơi cô ấy sống. Nhân danh những độc giả tương lai, người sẽ chắc chắn được lợi lạc từ việc làm của cô ấy, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đến cô ấy.

Chúng tôi, Abhidhamma Förderverein e.V. (Hiệp hội Abhidhamma của Đức), rất vui khi có thể xuất bản tập sách này và được in ở đây, tại Myanmar.

Aggañāṇī Sagaing, tháng 2 năm 2016.

# Tiểu sử của Dr. Nandamālābhivaṃsa



Dr. Sayadaw Nandamālābhivaṃsa, sinh ở Sint-ku thuộc Liên bang Myanmar năm 1940, bắt đầu đường học vấn của Ngài ở một trường Tu viện ở phân khu Mandalay. Ngài được thọ sadi vào lúc 10 tuổi với Sankin Sayadaw ở Tu viện Vipassanā danh tiếng ở Sagaing Hills.

Vào năm 16 tuổi, Ngài đã trải qua kỳ thi Dhammācariya (Pháp sư); và năm 21 tuổi, Ngài đã đăng quang kỳ kiểm tra khó về Abhivaṃsa. Ngài cũng tiếp tục việc học tập của mình ở Sri Lanka và India, đạt được bằng cấp cao hơn. Luận án Dr. (học vị tiến sĩ) của Ngài là về đạo Jainism trong văn học Phật giáo.

Sayadaw Dr. Nandamāla là một trong những người sáng lập học viện nổi tiếng Mahāsubodhayon ở Sagaing Hills. Năm 2003, Ngài thành lập Dhammavijjālaya (Trung tâm nghiên cứu Phật giáo) liền kề Tu viện Mahāsubodhayon cho người nước ngoài tha thiết việc học và thực hành của họ thêm nữa. Ngài cũng thành lập **Institute of Dhamma Education** (IDE), một trung tâm học Phật giáo mới ở Pyin Oo Lwin. Kể từ khi trung tâm khai giảng vào năm 2013, Ngài đã tổ chức các khóa học cho cả sinh viên trong và ngoài nước.

Đồng thời, Sayadaw Dr. Nandamāla giữ nhiều trách nhiệm: trong số đó, Ngài là hiệu trưởng của Học viện Phật giáo Quốc tế Sītagu (Sītagu International Buddhist Academy (Sagaing Hills)) (Sagaing Hills). Ngoài ra, sau khi khai giảng Đại học Truyền giáo Phật giáo Nguyên Thủy Quốc tế (Theravāda Buddhist Missionary University) (ITBMU) năm 1995, Ngài phục vụ với tư cách giáo sư thỉnh giảng. Từ năm 2005, Ngài là Hiệu trưởng.

Sayadaw Dr. Nandamāla phục vụ để thúc đẩy và truyền bá Phật pháp ở Myanmar và cả nước ngoài. Từ năm 2003, Ngài bắt đầu giảng dạy Abhidhamma ở Châu Âu, Malaysia và Singapore. Đã có nhiều thời thuyết Pháp trong suốt những năm ở Myanmar, Ngài được công chúng biết đến với cách tiếp cận riêng, sinh động và thiết thực, sử dụng các ví dụ từ đời sống hàng ngày. Ngài cũng là tác giả của nhiều tựa sách tiếng Myanmar, Pāḷi và Anh ngữ (xem bên dưới).

*Danh sách một số ấn phẩm bằng tiếng Anh*

- The 90 Years of Life of Daw Malayee (1975)
- With Critical Introduction to the Text (Thesis for the degree of Master of Philosophy) (1996)
- Buddhism and Vegetarianism (1990)
- Fundamental Abhidhamma (1997)
- A Study of Jainism according to Buddhist Literature (Thesis for the degree of Ph.D.) (2004)
- How to Practise the Four Noble Truths
- Akusala: the Nature of Poison (2010)
- The Path to Happiness (2010)

- The Buddha's Advice to Rāhula and Rāhula's Life (2012)
- Eight in One (2013)
- The Exits of Mind (2013)
- Samatha and Vipassanā (2013)
- An Analysis of Feelling (Vedanā) (2013)
- A collection of Dhamma Talks 1 (2014)

Vì kiến thức tuyệt vời về Phật Pháp và kinh nghiệm giảng dạy của Ngài, vào năm 1995 và 2000, Ngài đã được chính phủ Myanmar tặng danh hiệu Aggamahāganthavācakapaṇḍita (Giảng viên cao cấp) và Aggamahāpaṇḍita.

Lời nói đầu

*“Như du khách, chúng ta đi qua suốt kiếp sống bắt đầu từ trong tử cung của người mẹ. Vào lúc này hay lúc khác, chúng ta sẽ phải xuống xe ở cuối cuộc hành trình. Mỗi người bám chặt vào vé của nghiệp, chúng ta sắp về điểm đến là nơi tương ứng riêng của mình.”*

Trong “***Kamma - Nghiệp Vào Lúc Tử Và Tái Tục***”, Sayadaw Dr. Nandamāla giải thích đơn giản và ngắn gọn tiến trình vào cuối hành trình này, nhờ đó nghiệp (*kamma*) tiếp quản chúng ta ngay trước khi tử để gây ra nhân của nó cho kiếp sống kế. Song song, Sayadaw làm sáng tỏ một số nhận thức sai lầm cơ bản về linh hồn, một kiếp sống tạm trước khi tái tục, đầu thai, và v.v… Vị ấy hỏi “ai là người chuyển từ kiếp này sang kiếp khác?” và “ai là người thực hiện nghiệp và nhận lãnh quả của nghiệp?” - trong việc gạt bỏ quan niệm về một thực thể hay linh hồn trường tồn. Các vấn đề về hệ vô tính và tính hiệu quả của việc cầu nguyện để dừng lại nghiệp cũng được nêu lên.

Cuối cùng, Ngài kết luận rằng nghiệp (*kamma*) sẽ đưa chúng ta đến một nơi hợp với những hành động và nghiệp của chúng ta đã xuất hiện ở kiếp sống này: như xuất hiện trong câu ngạn ngữ lâu đời “Bạn gặt hái những gì bạn gây ra”.

Mục đích của Sayadaw Dr. Nandamāla là phân biệt giáo Pháp nguyên thủy của Đức Phật (Buddha) với các giáo lý khác, đặc biệt là những giáo lý có cùng các thuật ngữ như “luân hồi” (*saṃsāra*), “nghiệp” (*kamma*), và “quả của

nghiệp” với Phật giáo Theravāda. Hy vọng tập sách này sẽ giúp độc giả hiểu về chúng hơn nữa, dẹp tan mọi nhầm lẫn và hoài nghi về chủ đề này.

# I. Cuối Cùng Của Kiếp Sống

Tất cả mọi người sinh ra đều không tránh khỏi sự tử. Đức Phật dạy, sanh duyên lão tử (*Jati paccayā jarā-maraṇa*). Do sanh, lão và tử là kết quả. Người du hành có điểm đến của họ cho dù họ lái xe, bay, đi tàu hỏa hay thuyền. Bất cứ nơi nào họ hướng đến, phải có sự kết thúc của một hành trình. Cũng vậy, việc bắt đầu từ trong tử cung của người mẹ chúng ta, chúng ta đi qua suốt kiếp sống. Như mọi người khác, chúng ta sẽ phải xuống xe vào cuối cuộc hành trình vào lúc này hay lúc khác. Hết kiếp này đến kiếp khác, mỗi kiếp chỉ là một tiến trình tạm thời do các nghiệp (*kamma*) khác nhau.

Thậm chí trên đường đến đây, trên đường tôi đã thấy một cô gái bị xe ô tô cán qua. Hãy hình dung, vào lúc ấy, khi tôi đang đến đây để nói về sự tử. Cô ấy đã tử hay vẫn còn sống? Tôi không biết.

Tại sao sự tử xảy ra? Nhân và duyên của nó là chi? Vô tỷ pháp tập yếu (*Abhidhammatthasaṅgaha*) đưa ra bốn nguyên nhân.

## Sự kiệt sức của thọ mạng

Loại thứ nhất là hết tuổi thọ (*āyukkhaya*)[1]. Nếu bạn đã đọc các cột cáo phó trên báo, bạn sẽ thấy rằng người ta đã hơn 60 khi hết tuổi thọ. Đó là lý do tại sao 75 năm đã được định rõ là tuổi thọ trung bình ngày nay. Tại sao lại như

---

[1] Ayu = tuổi thọ, khaya = kiệt sức, kết thúc, kết liễu.

vậy? Đó là vì khoảng 50 hay 60, một người đã trở thành ông bà.

Có những người thử tất cả các loại thuốc, chế độ ăn kiêng và các liệu pháp để kéo dài kiếp sống của họ ra. Song, tôi chưa bao giờ nghe bất kỳ câu chuyện thành công nào. Ngay cả Đức Phật chỉ sống đến 80 vào thời điểm tuổi thọ là 100 năm. Dựa trên nghiệp lực của Ngài, đáng lẽ Ngài phải sống cho đến số năm không thể đếm được. Tuy nhiên, dựa trên các duyên quí tiết và vật thực (*utu* và *āhāra*), tuổi thọ của Ngài không thể sánh được với những người khác. Như vậy, ở tuổi 80, Ngài đã nhập *parinibbāna* (hoàn toàn *nibbāna*) do sự kiệt sức của tuổi thọ của Ngài.

Không có nhiều người có thể sống để hoàn tất toàn bộ tuổi thọ của họ; họ tử trước thời gian cạn kiệt.

## Tử vào lúc hết[2] nghiệp

Ở một số trường hợp, nghiệp mà đã dẫn đến một tái tục nhân loại bị suy yếu đến mức không thể tiếp tục duy trì sự sống đó đến hết[3]. Chúng ta nói rằng mức thọ mạng tự nhiên của một người được cho là dài 100 năm. Tuy nhiên, vị ấy đã tử ở tuổi đôi mươi. Tại sao điều này là như vậy, đó là do nghiệp hộ trợ tuổi thọ của vị ấy không còn nữa. Điều này nói rằng nghiệp thiện của vị ấy chỉ cho vị ấy bấy nhiêu thời gian để giữ nguyên sự sống đến lúc vị ấy phải qua đời sớm.

---

[2] (Kết Thúc, Mãn Hạn).
[3] Kammakkhaya.

## Tử vào lúc hết cả hai nghiệp và tuổi thọ

Loại khác là *ubhayakkhaya*, trong đó *ubhaya* có nghĩa là cả hai cùng nhau. Có một câu nói: bấc đèn (tim đèn) và dầu đều cạn kiệt. Khi cả hai đều kết thúc, ngọn lửa bị tắt. Tương tự, một người tử khi cả nghiệp và tuổi thọ của vị ấy đã kiệt sức.

## Tử do nghiệp phá hủy (đoạn nghiệp)

*Upacchedaka kamma* là nguyên nhân thứ tư không cho phép tiếp tục sự sống. Thay vào đó, nó cắt dứt thọ mạng trước khi thời gian chín muồi, do các nhân và duyên nhất định. Nó có thể là nghiệp bất thiện của chính bản thân ở kiếp hiện tại hay kiếp quá khứ. Như vậy, do nghiệp phá hủy, sự tử có thể xảy ra trong một tai nạn: bị giết trong một chiếc ô tô hay một vụ rơi máy bay, hay trong một vụ đắm thuyền, trong một cơn bão dưới gốc cây ngã. Một người có thể bị giết hay vị ấy có thể tự kết liễu đời mình. Bằng cách này hay cách khác, nghiệp phá hủy cắt đứt nghiệp sản sanh dẫn đến sự tồn tại của một người.

Lấy ví dụ về Đại đức Moggallāna, một người Brahma có học thức ở kiếp sống hiện tại của vị ấy đã trở thành một bậc *Arahant* Ứng cúng có đại thần thông. Mặc dù ngài rất tốt, nhưng nghiệp trước đây của ngài thì không, vì ở kiếp quá khứ vị ấy đã từng một lần cố giết cha mẹ của mình. Do đó, vị ấy phải đối mặt với quả của ác nghiệp ở kiếp sống hiện tại của mình. Nếu ngài không trở thành một bậc

*Arahant* Ứng cúng, ngài sẽ phải đi xuống địa ngục lần nữa. Giống như một bản tuyên án 10 năm bị kết án xuống còn 1 năm. Bị đánh đến chết so với việc xuống địa ngục lần nữa là thế nào?

Chúng ta có thể cho rằng đây là nghiệp phá hủy. Nghiệp bất thiện này đã cắt đứt sự sống của Ngài mà sự sống ấy đã bị trợ tạo bởi nghiệp thiện. Chúng ta cũng có thể xem xét theo một cách khác: tuổi thọ của Đại đức sắp kết thúc. Nếu bọn cướp không giết Ngài, Ngài sẽ vẫn phải tử vào ngày đó. Nếu vậy thì đây không thể được gọi là nghiệp phá hủy, mà chỉ là chướng nghiệp (*upapīḷaka kamma*) hay nghiệp ngăn trở, khiến vị ấy đau đớn và tổn thương. Tuy nhiên, đó là ý kiến của tôi.

Rồi theo Ledi Sayadaw, sự tử do bệnh tật cũng có thể được đưa vào *upacchedaka maraṇa*. Trước khi tuổi thọ có thể đầy đủ, một số bệnh[4] gây ra sự tử vì nghiệp quả (*kamma-vipākaja*). Kế đến, sự tử được xem là từ nghiệp phá hủy vì tuổi thọ của người đó chưa hoàn toàn đầy đủ. Ngoài ra,

---

[4] Bệnh không cần phải hoàn toàn do nghiệp. Có những căn bệnh do gió gây ra (*vātasamuṭṭhāna*). Đờm có thể gây bệnh phát sinh (*semhasamuṭṭhāna*) cũng như mật (*pittasamuṭṭhāna*). Sau đó, quí tiết thay đổi có thể dẫn đến bệnh tật (*utuviparināma*). Hoặc có thể do hành vi bất cẩn hoặc quá mức và điều trị (*visamaparihāra*). Bệnh cũng có thể là quả do sự tinh tấn và cố gắng quá mức của một người hoặc thông qua sự hành hung, tai nạn, tác động của chư thiên hoặc phù thủy, yêu thuật (*opakkamika*). Do sự kết hợp của hai hoặc ba trong số các yếu tố của gió, đờm và mật này, có thể bị bệnh (*sannīpāta*). Cuối cùng, vì quả của nghiệp, bệnh phát sinh (*kammavipākaja*). Đối với tám yếu tố gây bệnh này, đọc Sivaka Sutta của Saṃyutta Nikāya (*Vedanāsaṃyutta*).

nghiệp của vị ấy vẫn chưa kiệt sức. Trong trường hợp này, chúng ta có thể tìm thấy nhiều trường hợp tử như vậy.

## Khi sự tử xảy ra

Điều gì xảy ra khi tim trở nên yếu. Tâm đổng lực cận tử (*maraṇāsanna javana*) sanh ngay trước khi tử, lấy sự thấy hay nghe làm cảnh chẳng hạn. Hay một cảnh sắc xuất hiện ở ý môn như trong mơ. Tâm chìm vào nó, nghiêng hướng về nó với ái (*taṇhā*). Hay nó trở nên bồn chồn, lo lắng với sự sợ hãi. Sau đó tâm tử (*cuti*) sanh. Đồng thời sắc do nghiệp trợ sanh (*kammaja rūpa*) dừng lại. Với điều này, sự sống bị kết thúc.

Nó không đủ để kết luận rằng sự tử đã xảy ra chỉ vì tim đã ngừng đập. Trong giấc ngủ sâu, tâm vẫn còn đó vì hơi thở vào và ra đều đặn được điều khiển bởi nó. Đối với người bất tỉnh, hơi thở có thể khó thấy, hầu như không thể nhận ra.

Làm sao để quyết định rằng một người thực sự đã tử? Bạn không nên kết luận rằng sự tử đã xảy ra chỉ vì tim đã ngừng đập. Ngay cả khi không có nhịp tim hay không có hơi thở, chúng ta không thể chắc chắn rằng vị ấy đã tử. Vị ấy có thể bất tỉnh. Theo nguyên bản Piṭaka, một người chỉ được coi là đã tử khi ba yếu tố hiện diện đầy đủ:

* *Āyu*: thân và tâm được bảo vệ bởi mạng quyền (*jīvita*). Vào lúc tử, pháp này dừng.

* *Usmā*: hỏa giới (*tejodhātu*) do nghiệp trợ sanh như thân nhiệt ngừng lại vào lúc tử. Những hỏa giới bị trợ tạo trước khi tử vẫn có thể có mặt.
* *Viññāṇa*: bất kỳ tâm nào bao gồm hữu phần (*bhavaṅga*)[5] duy trì tính liên tục của dòng tâm thức đều dừng lại.

Chỉ khi ba yếu tố này hoàn toàn dừng thì có thể nói sự tử xảy ra. Giả định rằng một người đã tử vì vị ấy đã ngừng thở có thể dẫn đến các vấn đề. Tôi nhớ lại khi còn trẻ, tôi đã đọc trong các bài báo về một người đàn ông ở Bangladesh bị bác sĩ tuyên bố là đã tử sau khi kiểm tra bằng ống nghe. Vì ông thuộc tôn giáo khác, có nghĩa là việc chôn cất trong vòng một ngày. Phần mộ không được lấp đầy một cách đúng đắn. Nếu thân được hỏa thiêu, tất cả sẽ bị mất ngay từ đầu. Năm giờ sau, người này tỉnh lại. Vì vị ấy còn trẻ, vị ấy có sức mạnh để đẩy lớp đất bao phủ mình và trèo ra khỏi phần mộ. Khi vị ấy vào nhà, gia đình đã sợ hãi khi nhìn thấy vị ấy. Họ đã nhìn thấy vị ấy bị chôn là một tử thi. Bây giờ vị ấy đã trở lại chỉ có thể có nghĩa rằng đó là một hồn ma. Cuối cùng, gia đình đã kiện bác sĩ, người đã tuyên bố vị ấy tử.

Một sự cố tương tự khác xảy ra ở Mandalay khoảng bốn hay năm năm trở lại. Một cô gái trẻ Trung Quốc bị tuyên bố là đã tử. Sau đó, cô đã được đưa đi chôn cất. Khi xe tang đến cổng nghĩa trang, đột nhiên cô tỉnh lại. Tuy nhiên,

---

[5] Bhava = hữu, aṅga = chi, phần. Theo nghĩa của từ là 'hữu phần'. Từ này còn được dịch là 'hộ kiếp'.

vì cô bị coi là mang lại sự xui xẻo, cô không được phép về nhà nữa. Một ngôi nhà nhỏ được xây dựng cho cô gần nghĩa trang. Vì lý do này, trong quá khứ, người ta thường giữ tử thi trong bảy ngày. Ngày nay, nếu sự tử xảy ra hôm nay, việc chôn cất hay hỏa thiêu sẽ được tổ chức vào ngày mai. Một người bất hạnh cuối cùng có thể bị đưa đến một nhà xác. Rồi khi tỉnh dậy và gây ra nhiều tiếng ồn, vị ấy có thể bị nhầm là hồn ma và cuối cùng bị đánh đến chết.

Có một lần, có một câu chuyện kể về một ông già trong làng. Ông đã qua đời và được chôn cất. Trong khi đó, ông tạm thời được đặt vào một cái hố: một ít đất được trải trên thân. Tuy nhiên, ông tỉnh lại, và xin nước. Thay vì được giúp đỡ, ông bị đập vào đầu bằng búa và sau đó được chôn cất.

Nếu chúng ta xem xét sự sống đó là theo nghiệp, thì chúng ta có thể cảm thấy một chút an ủi khi nghe loại chuyện này.

_____( )_____

## II. Rút Thăm Xổ Số Vào Lúc Tử

Ở một nơi rút thăm xổ số, bạn có thể sẽ ghé qua, bắt gặp một chiếc lồng cầu chứa đầy những quả bóng nhỏ được đánh dấu bằng những con số. Khi lồng cầu được quay quanh quanh, không có cách nào để xác định quả bóng nào sẽ rơi ra từ chỗ thoát. Cũng vậy, trong vô số nghiệp, chúng ta không thể xác định nghiệp nào trong chúng sẽ có cơ hội trợ sinh đời kế sau. Chúng ta đã tích lũy rất nhiều thiện và ác hạnh nghiệp. Bất kỳ nghiệp nào cũng có cơ hội trợ sanh quả của nó vào cuối kiếp sống. Đối với bất kỳ người bình thường nào, không có gì là xác định rõ ràng. Chỉ đối với một bậc Nhập lưu (*sotāpanna*), chúng ta có thể chắc chắn vì cánh cửa đến khổ cảnh (*apāya*) hay các cõi khổ bị đóng lại với người ấy.

Vào lúc tử, một số trạng thái danh pháp sẽ chiếm lấy tâm của chúng ta, xoay nó đến đen hay trắng. Nếu đó là sức mạnh của bất thiện, tâm u ám. Về sau, kiếp sống kế tiếp trở thành đen. Nếu nó là màu trắng, kiếp sống kế tiếp cũng sẽ trở nên trắng. Đối với ai có cách kiếm sống thường giết bàng sanh bằng súng và chó săn, vào lúc cận tử, vị ấy có thể mơ rằng vị ấy đang theo dõi một con vật với những con chó săn và sử dụng súng của mình. Cảm thọ của vị ấy sẽ là chi? Nó không phải là một thọ thanh thản, không phải? Tử với tâm đó là sự khủng khiếp cho kiếp sau.

Song, không có gì có thể chắc chắn. Nó không chắc nếu chúng ta đã phạm tội sát sanh (hay phá giới), chúng ta sẽ rơi vào khổ cảnh (*apāya*). Ở Myanmar có một câu chuyện

về một thợ săn thế mà được tái tục làm người nhân loại. Một số người xả thí (*dāna*) nhiều và xây dựng những ngôi đền lớn, tuân theo giới (*sīla*). Song, vào lúc tử, họ bị tái tục trong một cõi khổ.

Đó là cảnh cuối cùng chúng ta nhận được ngay trước khi tử là cảnh quyết định. Nó có thể do nghiệp quá khứ được nhắc lại tại thời điểm này. Bên cạnh nghiệp đã nhắc lại, có nghiệp vừa mới tích lũy. Nghiệp mới này được thực hiện ngay trước khi tử. Ví dụ một người bạn mang hoa đến cho chúng ta. Thấy những hoa này là hình ảnh cuối cùng rồi chúng ta qua đời. Chúng ta có thể nghe tiếng tụng kinh là cảnh cuối cùng nhận được trước khi tử.

Có một lần khi Đức Phật đang giảng Pháp gần hồ, một con ếch nhảy lên lắng nghe. Dù ếch không thể hiểu, mà nó có thể hiểu âm thanh đã truyền đạt không phải là sân hận, ác ý, mà là lòng bi. Chỉ bằng việc lắng nghe, nó đạt được một tâm trong sạch và yên tịnh. Một người chăn bò đi qua đã vô tình đâm nó với cây gậy của vị ấy. Con ếch đã tử và được tái tục làm một vị trời do tâm trong sạch của nó. Vị ấy thấy rằng mình từng là một con ếch ở kiếp trước của vị ấy. Lập tức, vị ấy đến gặp Đức Phật, thỉnh Ngài thuyết Pháp cho vị ấy. Sau khi vị trời nghe xong, vị ấy trở thành một bậc Nhập lưu (*sotāpanna*).

Hoàng hậu Mallika, vợ của Vua Kosala, đã tái tục trong địa ngục Avīci trong một thời gian ngắn vì lúc cận tử, bà ta trở nên không vui, hối hận vì bà có một lần lừa dối nhà vua. Kế đến, có một tu sĩ trong thời của Đức Phật, người

đã nhận được những chiếc y mới từ chị gái mình. Vị ấy giữ chúng gần bên do dự định mặc vào sáng hôm sau. Trong đêm, vị ấy ngã bệnh và qua đời, với tâm mong muốn mặc những chiếc y này. Như vậy, vị ấy đã tái tục thành một con rận, dù sự tu tập thiền định của vị ấy hơn 50 năm.

Nghiệp mới được thực hiện trước khi tử là nghiệp cận tử (*asanna kamma*) và có thể có cảnh thay đổi, đó là, nếu không có trọng nghiệp hay nghiệp nặng (*garukakamma*) cản đường. Như vậy, giai đoạn này là rất quan trọng.

"Bạn đã đặt các sổ ngân hàng ở đâu?" Loại câu hỏi này không nên hỏi. Cũng không nên hỏi người đang tử: "Bạn muốn trao nhẫn cho ai?" hay "ở cửa hàng cầm đồ nào giữ?" Nếu những câu hỏi như vậy được nêu lên, thì người đó sẽ trượt khỏi con đường thẳng đến một sự tử yên tịnh.

Có một câu chuyện về một người đàn bà tốt bụng, người đã tuân theo giới (*sīla*), và sẽ luôn cung cấp nước cho người du hành. Thật không may cho người đàn bà già, cảnh tượng con trai và con gái khóc bên giường bệnh làm bà không vui. Dù bà ấy đã làm rất nhiều việc xả thí (*dāna*) trong đời, bà ấy được cho là đã tái tục thành một hồn ma.

## Thay đổi nghiệp trước khi tử

Nghiệp cận tử (*asanna kamma*) cho quả của nó ở kiếp sau nếu nó được vận hành lúc cận tử. Nó giống như một người già ngồi gần cửa ra vào của xe buýt (của sự tử). Vị ấy đi ra trước, không phải những người khác đang ngồi xa hơn.

Cũng vậy, từ lúc nó xảy ra ngay trước khi tử, nghiệp cận tử (*asanna kamma*) được ưu tiên.

Đại đức Sona xứ Anuradhapura có một người cha là một thợ săn. Lúc tuổi già, ông được con trai thuyết phục trở thành tăng sĩ. Lúc gần tử, ông lão có những giấc mơ kinh khủng đáng sợ vì bị chó đuổi. Ông ta hét lên: "Làm ơn cứu tôi! Nhiều con chó đang đuổi theo tôi!" Đại đức Sona biết rằng ông sẽ bị tái tục ở cõi khổ. Như vậy, Ngài đã mang ông lão đến bảo tháp để dâng hoa và nến. Ngài bảo với người đàn ông đang tử hãy tôn kính Đức Phật và đừng sợ hãi, bây giờ ông đang ở một nơi an toàn. Giấc mơ của ông già đã thay đổi. Bây giờ ông ấy đã nhìn thấy những vị trời xinh đẹp đến khi ông ấy qua đời. Như vậy, ông được tái tục ở cõi trời.

Có một câu chuyện trong một chú giải từ Sri Lanka về một ngư dân lúc gần tử. Một bậc Ứng cúng (*Arahant*) đã đến thăm ngư dân không có lòng từ và thấy rằng khi tử vị ấy sẽ bị tái tục trong khổ cảnh (*apāya*).

Như vậy, bậc Ứng cúng (*Arahant*) đã yêu cầu người đàn ông đang tử quy y Tam bảo và thọ Ngũ giới. Dù trong đau đớn, người đàn ông đã đồng ý và lặp lại theo tu sĩ. Sau khi nói "*Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi*," ông đã tử. Tái tục làm một vị địa thiên, vị ấy rất vui khi được cứu khỏi khổ cảnh (*apāya*). Vị trời đến gần tu sĩ và nói với vị ấy nếu vị ấy trông nom, gìn giữ năm giới, tái tục của vị ấy sẽ là ở một cõi trời cao hơn.

Dù sao, chừng nào người chưa diệt được các phiền não (*kilesa*) như một bậc Nhập lưu (*sotāpanna*), đây chỉ là một lối thoát tạm thời. Cánh cửa đến các cõi khổ sẽ luôn mở cho anh.

_____( )_____

# III. Cảnh Cuối Cùng Ở kiếp sống

Năm vừa qua tôi đã gặp một y tá từ Mỹ, người chăm sóc các bệnh nhân đang sắp tử trong bệnh viện lớn. Như vậy, cô đã chứng kiến những cách khác nhau mà con người tử. Một số từ trần sau một cuộc vật lộn dữ dội để cố gắng thoát khỏi sự tử. Những người khác đấu tranh lại. Sau đó, có những người tử với đôi mắt mở to trong nỗi khiếp sợ như thể họ đang nhìn thấy thứ gì đó đáng sợ. Một số người qua đời, mỉm cười. Do đó, ở khoảng cách gần, y tá này đã nhìn thấy những người tử theo nhiều cách. Cô hỏi lý do tại sao.

Tôi giải thích rằng: tùy thuộc vào cảnh liên quan đến nghiệp nhận được ngay trước khi tử, biểu hiện của người ấy cho thấy ảnh hưởng của cảnh nghiệp đối với vị ấy. Nếu đó là một cảnh khả hỷ, vị ấy tử với nụ cười. Nếu đó là một cảnh đáng sợ, vị ấy sẽ tử vật lộn với khuôn mặt méo mó.

Nó thường ở một thời điểm như vậy mà những gì vị ấy đã làm là nghiệp (*một trong những hành động này*) sẽ sinh như một cái bóng để chế ngự tâm.

## Nghiệp trợ cho sanh quả của nó ra sao

Nghiệp là một hành vi của danh pháp; rồi nó vĩnh viễn không còn nữa. Mỗi ngày chúng ta tích lũy nghiệp (*kamma*) - thiện và bất thiện - tất cả các sát-na trạng thái danh pháp. Nhưng năng lực tiềm tàng của nó ngủ ngầm. Làm thế nào để hiểu sự tiềm tàng như vậy? Nếu chúng ta mở một hạt xoài, chúng ta không thể tìm thấy gốc rễ, lá và

các phần khác. Dù lửa không tồn tại trong cái bật lửa, nhưng sự tiềm tàng của nó là ở đó - giống như cây bên trong hạt xoài. Cũng thế, khi còn nhỏ, chúng ta không thể viết ABC … Sau đó, chúng ta đến trường tiểu học để học bảng chữ cái. Kiến thức là không mất. Năng lực của nó vẫn còn hay theo cách nào khác chúng ta có thể tiếp tục phát triển trong việc học của chúng ta? Nghiệp như năng lực đó, nó không phải là một chất và không thể thấy được.

Hãy nói rằng chúng ta sân giận không biết bao nhiêu lần với ai đó hay điều gì đó. Mỗi lần cơn giận dừng vì nó không thể luôn chịu đựng theo thực tính sanh và diệt. Tuy nhiên, năng lực tiềm tàng của nó vẫn là một năng lực trong tiến trình tâm của chúng ta. Đây là cách nghiệp ngủ ngầm.

Năng lực danh pháp này là rất là lạ. Quan niệm theo thói quen thường khi chúng ta đang nằm. Những kiểu ý nghĩ gì sanh đều đặn trong bạn khi chỉ có riêng bạn? Một số ý nghĩ xuất hiện lặp đi lặp lại, trở thành một khuynh hướng. Chẳng hạn, chúng ta ghét ai đó. Đôi khi chúng ta nghĩ rằng chúng ta sẽ không bao giờ nghĩ về người đó. Nhưng những ý nghĩ như vậy cứ đến không biết bao nhiêu lần. Điều này trở thành quen thuộc.

Như vậy, trong khi đó, nghiệp dần dần trưởng thành trong dòng tâm thức của chúng ta, chờ cơ hội để xuất hiện. Nghiệp có thể trợ sanh quả của nó ngay cả sau một thời gian rất dài, chẳng hạn, khi chúng ta đang nằm trên giường vào giờ phút cuối cùng của cuộc đời. Một trạng thái thường quen như vậy của chúng ta sẽ xuất hiện, chẳng hạn

như sự sân hận. Chúng ta mơ rằng chúng ta đang giận người đó. Hay chúng ta nhớ điều gì chúng ta đã làm từ lâu - nhưng bị lãng quên cho đến bây giờ. Nó xuất hiện trong tâm của chúng ta như một giấc mơ lúc cận tử.

## Ba cảnh

Một cảnh cận tử rõ ràng ở tại một trong sáu môn. Chúng ta thấy hay nghe cảnh khả hỷ hay bất khả hỷ. Nhưng điều này không giống như lúc bình thường là nghiệp đã gây ra cảnh này. Nó có thể là một trong ba loại cảnh này:
** Kamma – nghiệp*
Từ số lượng lớn của nghiệp lực đã tích lũy trong chúng ta, chỉ một nghiệp đã chín muồi xuất hiện. Vì nó thuộc về quá khứ, nó chỉ rõ ràng ở tâm. Do nghiệp lực của nó – trong sạch hay không trong sạch - không thể kiểm soát hay tránh được - nó làm lu mờ tiến trình tâm, ngay cả đối với một người nằm bất tỉnh. Đó là sự nhớ lại về bất cứ điều gì đã làm trong quá khứ.

Lấy ví dụ một thợ săn, người đã giết bàng sanh trong nhiều năm. Vị ấy có thể mơ về việc săn đuổi một con vật, giết nó. Một người tu thiền có thể mơ về việc đang ngồi trong một thiền đường. Nếu chúng ta thường xuyên sân giận, chúng ta có thể mơ thấy cãi nhau với ai đó. Tâm trở nên sân giận khi chúng ta sống lại những gì chúng ta từng trải nghiệm trước đây.

** Kamma nimitta – điềm nghiệp (duyên của nghiệp)*

Đó là cảnh mà đã được trải nghiệm khi nghiệp được thực hiện trong quá khứ. Nó cũng có thể thuộc về nghiệp hiện tại. Đối với một cảnh quá khứ, nó chỉ rõ ràng ở ý môn. Một cảnh hiện tại có thể xuất hiện ở bất cứ môn nào trong sáu môn. Một tượng Phật, hoa và nến, người mà chúng ta đang cãi nhau, vũ khí được sử dụng hay bàng sanh bị săn đuổi: những cảnh này, hay vây quanh, như một thiền đường, liên quan đến hành động của nghiệp của chúng ta là điềm nghiệp (*kamma nimitta*).

** Gati nimitta - điềm sanh hay thú tướng (dấu hiệu của điểm đến)*

Là một cảnh hiện tại, nó xuất hiện ở bất cứ môn nào trong sáu môn, cho biết nơi tái tục. Chúng ta có thể thấy một yêu tinh xấu xí bằng chính mắt của chúng ta, gọi và tiếp cận chúng ta, mà không phải những người khác ở gần chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta la hét: "*Cứu tôi! Cứu tôi! Ông ta muốn ném tôi vào lửa!*" Hay chúng ta thấy một người bạn đến để đưa chúng ta đến một lâu đài đẹp. Như vậy, chúng ta đang được chỉ trước về nơi đi tới của chúng ta sau khi tử. Điềm sanh (*gati nimitta*) này thường xuất hiện như một cảnh sắc.

Theo nguyên bản Pāḷi, nếu bạn thấy bạn một mình nơi rừng sâu, bạn sẽ bị tái tục làm một ngạ quỷ (*peta*). Nếu bạn sợ hãi, bị vây quanh bởi lửa dữ tợn, bạn sẽ bị tái tục trong địa ngục. Đối với ai sắp đi địa ngục, lửa địa ngục hay những con chó đen lớn có thể rõ ràng với vị ấy. Thật kinh hãi chúng sanh có thể đến để kéo vị ấy đi. Vì chắc

chắn vị ấy sẽ tử một cách chật vật, cho thấy tròng trắng mắt – theo nghĩa đen là khiếp sợ đến tử. Bạn cần phải hiểu rằng bạn nằm trong số những bàng sanh như ngựa, chó hay bò, bạn sẽ bị tái tục trong vương quốc bàng sanh.

Kế đến, nếu bạn thấy bản thân bước vào một ngôi nhà đẹp với một khu vườn, tái tục của bạn sẽ là trong một ngôi nhà của một người đàn ông giàu có. Mặt khác, nếu bạn vào một túp lều, điều đó có nghĩa là bạn sẽ được tái tục vào một gia đình nghèo. Một số người thấy một nơi hay cảnh đẹp. Dấu hiệu này cho thấy tái tục của họ ở cõi trời hay cõi nhân loại. Ai đó dành cho sự tái tục ở cõi trời có thể thấy chư thiên đến để đưa vị ấy đi trong xe ngựa của họ. Hay vị ấy có thể thấy bản thân đến một khu vườn có một lâu đài. Như thể vị ấy đã đến nơi tiếp theo của mình. Như vậy, đó là đăng ký cho kiếp sống kế tiếp.

## Xe ngựa cho Dhammika

Do bệnh nặng, cận sự nam Dhammika gần chết. Chư Tăng được mời đến tụng kinh cho vị ấy. Khi ông nằm nghe, chư thiên trong các xe ngựa từ sáu cõi trời đã đến ở lối vào nhà. Các vị trời này gọi ông ấy: "Vui lòng theo chúng tôi đến vương quốc của chúng tôi," họ tranh giành với nhau như những người bán hàng rong hay người lái xe ngựa ở trạm xe lửa hay cầu cảng.

Dhammika nói với họ: "Dừng lại! Vui lòng đợi một lúc." Ông ta thực sự thấy họ, nghe giọng nói của họ gọi ông.

-- "Làm ơn đợi một lúc. Xin vui lòng đợi."

Nghe những lời này, các tu sĩ nói: "Ông ấy bảo chúng ta dừng lại."

Thế là họ dừng tụng kinh. Vào lúc này, Dhammika bất tỉnh. Chỉ sau khi các tu sĩ rời đi, ông ấy mới tỉnh lại. Ông ấy thấy gia quyến của ông ấy khóc, và hỏi: "Tại sao mọi người đều khóc?"

-- "Thưa cha, vừa rồi trong khi nghe pháp, cha đã bảo với các tu sĩ mà cha đã mời để tụng kinh là '*Dừng lại! Xin vui lòng chờ.*' Như vậy, họ đã quay trở về."

-- "Cha không nói với các tu sĩ. Ở đằng kia, những cỗ xe từ cõi trời đã đến để đưa cha đi. Các người có thấy họ không?"

Nhưng không ai có thể thấy điều gì. Họ nghĩ rằng cha của họ bị mê sảng. Tuy nhiên, ông ấy thực sự có thể thấy họ bằng chính mắt của ông ấy.

Nhận thấy rằng cõi Tusitā là cõi tốt nhất, nơi chư Giác hành giả (*Bodhisatta*) sống, Dhammika xin một vòng hoa. Rồi ông ấy ném nó vào cỗ xe từ cõi trời Tusita. Tất cả những gì thân quyến ông có thể nhìn thấy là vòng hoa lơ lửng giữa không trung chớ không phải là được treo trên cỗ xe. Đây là một điềm sanh hay thú tướng (*gati-nimitta*)[6] chỉ có thể được thấy bởi người chủ của nghiệp mà đã chín muồi đó.

Như vậy, giống như một cái bóng rơi xuống tâm, một trong ba cảnh tự biểu lộ khi người qua đời.

---

[6] dấu hiệu của nơi đến.

## Chuẩn bị trước

Vì loại cảnh nhận được ngay trước khi tử là quyết định, ít nhất chúng ta cần phải cố gắng chuẩn bị trước để có một sự tử yên tĩnh, thanh thản, không còn lo lắng trong những thời khắc cuối cùng đó. Chúng ta cần phải sẵn sàng có sẵn Pháp (*dhamma*) trong tâm của chúng ta để nương tựa vào. Để chúng ta có thể dễ dàng ngẫm nghĩ về tất cả những việc làm phước của chúng ta, chúng ta cần phải trau dồi nết quen đó trước.

Để giữ cho cuộc hành trình kiếp sống của chúng ta thẳng tiến, chúng ta cần phải cố gắng hướng tâm về những hành động thiện trong cuộc sống hàng ngày. Chúng ta chuẩn bị trước bằng cách thấm nhuần giáo Pháp (*dhamma*) trong tâm của chúng ta. Ngẫm nghĩ về Pháp (*dhamma*) và giữ vững giới luật của chúng ta - bằng cách này chúng ta sẽ được lìa đời một cách yên bình và thanh thản.

_____( )_____

## IV. **Kamma - Nghiệp Gieo Hạt Giống Của Nó Khi Tử**

Giống như quả mang nhiều hạt, số lượng lớn nghiệp đã tích lũy trong chúng ta. Tuy nhiên, nói chung không phải tất cả các hạt đều có thể phát triển thành cây thực vật. Nhiều loại trở thành vật thực cho con người. Bàng sanh cũng ăn chúng. Ngay cả với nước và đất, nếu nhiệt độ quá cao hay quá thấp, những hạt giống này không thể phát triển. Chỉ khi các duyên phù hợp liên hiệp nhau, chúng mới có thể đâm chồi. Như vậy, nhiều yếu tố là cần thiết. Nó cũng giống như nghiệp. Một mình nghiệp không thể hành động để trợ sanh một kiếp sống mới. Nghiệp mới tích lũy phải vẫn giữ nguyên trong tiến trình danh pháp, trưởng thành theo thời gian như quả với hạt. Chỉ với những duyên chính của hai phiền não (*kilesa*), ái (*taṇhā*) và vô minh (*avijjā*), nghiệp mới có thể chín muồi.

Theo Đức Phật, ái (*taṇhā*) là pháp trợ sanh hữu (sự sống) không biết bao nhiêu lần[7]. Do ái[8], sự sống hay hữu (*bhava*) lại xảy ra: *taṇhā ponobbhavikā*[9]. Giống như nhiệt là thực tính của lửa, thực tính của ái (*taṇhā*) là thích thú hưởng, thích thú và dính mắc, quyến luyến. Nó vui thích trong ái dục (*nandirāga*). Bất cứ nơi nào có ái (*taṇhā*), nơi ấy có sự thích thú. Trong một số kinh, Đức Phật nói đến nó là

---

[7] Yāyam taṇhā ponobbhavikā nandirāga sahagatā tatra tatrā bhinandinī. (In the Dhammacakka Sutta.)

[8] Ái, dính mắc, quyến luyến.

[9] Puna = lại, nữa hay nhiều lần, không biết bao nhiêu lần; bhava = sự sống, đời sống, cuộc sống = hữu; ika = nguyên nhân, gây ra. So ponobbhava nghĩa là một sự sống mới hay kiếp sống khác.

hữu ái (*bhavanetti*) là pháp dẫn đến sự tiếp tục lại hữu (sự sống). Tuy nhiên, một mình ái (*taṇhā*) không thể làm việc.

Nó cần vô minh (*avijjā*) để che khuất thực tính của cảnh để chúng ta không thể thấy khuyết điểm của nó. Đức Phật giải thích rằng vô minh che khuất[10] để thay vì thấy thực tính của cảnh, chúng ta lại thấy theo những cách khác. Điều này như nhìn một bức tranh phong cảnh toàn cảnh, nghĩ rằng nó là có thật. Vô minh (*avijjā*) có thể che đậy một cảnh xấu để nhìn thấy đẹp, khả hỷ hay tốt. Che đậy khía cạnh xấu của nó, phiền não (*kilesa*) này ngăn chúng ta nhìn thấy những mối nguy hại của nó. Kết quả là chúng ta thấy những gì xấu là tốt và ngược lại. Tuy nhiên, vô minh (*avijjā*) không che đậy tất cả những gì là sự thật. Vì lý do này, Đức Phật nói rằng nó chỉ che đậy một phần và gây khó khăn cho việc nhìn thấy sự thật[11].

## Vô minh (*avijjā*) và ái (*taṇhā*) hành động cùng nhau ra sao

Cặp đôi này hành động cùng nhau ra sao? Pháp nào dẫn dắt? Đôi khi nó là ái (*taṇhā*); vào lúc khác nó là vô minh (*avijjā*). Bạn thấy, vào lúc chúng ta hành động ngoài vô minh. Đôi khi, đó là do ái. Một số người biết quả ác nhưng họ không thể tránh làm điều gì đó do ái. Một số không biết nên họ đã làm. Khi ấy vô minh (*avijjā*) dẫn dắt. Lấy một người nghiện ma túy. Lần đầu tiên vị ấy không biết tác dụng xấu của việc dùng ma túy. Như vậy, vị ấy bắt đầu

---

[10] Avijjā nivāraṇaṃ.
[11] Sabhāva paticchādana.

thử nghiệm ma túy. Lúc đó vô minh (*avijjā*) dẫn dắt. Sau khi trở thành một người nghiện, vị ấy đã biết những nguy hiểm của việc sử dụng ma túy. Tuy nhiên, vị ấy không thể kiêng nhịn vì sự khát ái của vị ấy ngày càng mạnh. Lần này ái (*taṇhā*) dẫn dắt.

Vậy thì, khi chúng ta bị ảo tưởng bởi vô minh (*avijjā*) đối với một cảnh, ái (*taṇhā*) sanh là sự thèm muốn về cảnh. Nó hoạt động như một pháp phược để buộc chúng ta vào nó. Một số côn trùng nghĩ ngọn lửa nến rất đẹp với màu vàng của nó. Do đó, chúng lao vào lửa. Nếu chúng biết sẽ đốt cháy, chúng sẽ không bao giờ bay vào đó.

Hoàn cảnh của chúng ta cũng giống như những con thiêu thân đó. Chúng ta lao vào sự khổ. Hầu hết chúng ta làm gì mỗi ngày trong cuộc sống? Không biết làm thế nào để phân biệt giữa những gì nên làm và những gì không nên làm, những điều nên làm mà chúng ta lại nghĩ không nên làm - và những gì không nên làm chúng ta lại nghĩ là nên làm. Điều này là do tác động của vô minh (*avijjā*). Bị bao phủ trong vô minh, hầu hết chúng ta không biết thực tính của các cảnh. Kết quả là tham luyến, chấp thủ (*upādāna*) và thèm muốn xuất hiện. Vô minh (*avijjā*) và ái (*taṇhā*) trở nên mạnh mẽ hơn theo thời gian. Kết quả là chúng ta sẽ không cố gắng hành động để đạt được những gì chúng ta mong muốn phải chăng? Khi làm như vậy, chúng ta thực hiện nhiều nghiệp hạnh qua các môn như ý, khẩu và thân. Bằng cách này, chúng ta tích lũy càng ngày càng nhiều sức mạnh của nghiệp trong dòng tâm thức của chúng ta. Nghiệp mà đang tích lại sẽ gây ra sự sống kế tiếp của

chúng ta. Trong khi ấy, nó vẫn đang chờ. Chỉ khi gần đến cuối nó sẽ hiện ra.

Như Đức Phật đã dạy, vô minh (*avijjā*) và ái (*taṇhā*) là những người trợ giúp lớn lao của nghiệp để trợ sanh kiếp sau[12]: ba pháp này là các duyên chính để tái tục.

## Nghiệp như đất

Người ta làm cả nghiệp thiện và nghiệp ác. Đối với những ai làm phước, do sức mạnh của nghiệp thiện (*kusala kamma*), một điềm[13] tốt xuất hiện vào lúc tử. Đối với những người đã làm những nghiệp bất thiện (*akusala kamma*), nghiệp lực bất thiện sẽ trợ sanh một điềm xấu.

Vô minh che đậy thực tính của cảnh, tham luyến hay sân hận sanh cho người đang tử. Nếu đó là tham luyến, ái (*taṇhā*) trói tâm vào cảnh. Chẳng hạn, vị ấy có thể thấy một quỷ dạ xoa là một vị trời xinh đẹp. Rồi ái sanh. Hay vị ấy có thể mơ thấy lửa mà nghĩ đó là vàng. Anh ấy muốn có nó. Tâm cận tử nắm bắt nó làm cảnh cuối[14]. Khi tiến trình danh pháp kết thúc, lập tức nghiệp lực của tâm tái tục xuất hiện để bắt đầu kiếp sống mới.

Đức Phật đã dùng phép ẩn dụ để giải thích tiến trình: nghiệp như đồng ruộng (*kammaṃ khettam*)[15], tâm như hạt

---

[12] Avijjā nivāraṇaṃ, taṇhā saṃyojanaṃ. (Bhava Sutta of Aṅguttara Nikāya, Book 3.)
[13] Nimitta: dấu hiệu, điềm, tướng.
[14] Đây có thể là một cảnh của kamma, kamma-nimitta hay gati-nimitta.
[15] Bhava Sutta, Aṅguttara Nikāya, quyển 3.

giống (*viññāṇaṃ bījaṃ*) và ái như độ ẩm (*taṇhā sneho*). Tuy nhiên, trong những bài giảng khác, Ngài thường so sánh nghiệp với một hạt giống. Tôi đã nghĩ về điểm này nhiều lần, cố gắng hiểu tại sao Đức Phật lại so sánh nghiệp với đất để tu tiến. Những gì tôi hiểu là thế này: cận tử, cảnh cuối do nghiệp gây ra chiếm lấy tiến trình danh pháp cho đến tâm tử của chúng ta sanh. Sau đó, tâm tái tục xuất hiện bắt lấy cảnh cuối này. Vào lúc này, không có gì cho tâm (*citta*) này nương ngoại trừ nghiệp lực. Để phát triển hạt giống thức (*viññāṇa*) này, không thể có đất khác làm nơi cho nó có thể nảy mầm. Chỉ có nghiệp đã gây ra cảnh cuối này. Do đó, nó như đất ẩm ướt bởi hơi ẩm của sự ái nơi hạt giống thức (*viññāṇa*) có thể nảy mầm. Đây là cách cây sự sống mọc lên trong đất nghiệp lực với sự ủng hộ của vô minh (*avijjā*) và ái (*taṇhā*).

Làm thế nào để đấu tranh thoát khỏi cảnh này? Lúc này - khi chúng ta đang nằm hôn mê, tâm của chúng ta bị chiếm hữu bởi cảnh này – nghiệp (*kamma*) gieo hạt giống của nó. Như vậy, đây là cách chúng ta chuyển từ kiếp sống hiện tại sang kiếp sống kế tiếp.

## Chấp trước khi bắt đầu kiếp sống

Dù là loại kiếp sống nào, chúng sanh có thức tánh mới đều ham muốn nó. Đây là do tâm đổng lực (*javana*) đầu tiên mà theo sau tâm tái tục với lòng ham muốn (dục cầu) đến

kiếp sống mới này.[16] Như vậy, mọi chúng sanh bắt đầu sự sống bằng một tâm căn tham (*lobha-mūla citta*). Vì chưa có các quyền hay xứ (và cho nên không có cảnh mới), tâm đổng lực đầu tiên này với sự ham muốn tùy vào cảnh của tâm tái tục. Ngay cả đối với tái tục trong địa ngục: ban đầu chúng sanh có thức tánh thấy lửa địa ngục là vàng vì màu vàng sáng chói của nó và bị nó thu hút. Như vậy, có tham ngay cả trong địa ngục. Chúng ta cũng vậy. Đôi khi chúng ta thấy và bị thu hút bởi điều gì đó mà chúng ta nghĩ là đẹp. Sau đó, hóa ra là điều gì đó làm chết người.

Đó là bản chất của sự sống: được quan tâm và có sự ham muốn về kiếp sống mới đã xuất hiện. Ngay cả những con ong cũng có dục hữu (*bhava nikanti*). Giống như những con sâu bướm và côn trùng bị thu hút bởi lửa vì màu vàng sáng chói của nó - chúng vui vẻ kéo đến gần và rồi khổ vì nó. Như vậy, mọi chúng sanh đều bị dính mắc vào sự sống - kiến, chó và mèo - tất cả đều vui thích trong sự sống của chúng. Nếu mèo và chó có thể nói, và nếu bạn hỏi chúng có thích sự sống của chúng không, tất cả chúng sẽ nói rằng "Có".

Có một tập trong Jātaka về một vị vua mà hoàng hậu trẻ của vua vừa qua đời. Vì đã yêu cô ấy chân tình, vua âu sầu

---

[16] Nó được gọi là bhava nikanti javana citta. (Bhava = sự sống, hữu; nikanti = tham vọng, dục cầu.) Tiến trình danh pháp khi kiếp sống bắt đầu: Paṭisandhi - Bhavaṅga1 - Bhavaṅga2-…..- Bhavaṅga16 - Manodvārāvajjana -Javana1 - Javana2 - Javana3…..- Javana7 - Bhavaṅga - Bhavaṅga ……. Ở dây Javana1 đến Javana7 là những tâm căn tham (lobha-mūla citta).

vì mất mát, nên cho giữ xác thân của cô ấy trong dầu. Vua khóc lóc bên cạnh tử thi. Trong khi đó, hoàng hậu đã bị tái tục thành một con bọ phân có bạn đời mới. Lúc này cô lại thích sự sống mới, yêu chồng mới hơn cả vua của kiếp trước.

Như vậy, với tất cả chúng sanh, dù bất cứ nơi nào họ bị tái tục, họ đều hạnh phúc do tham luyến.

_____( )_____

# V. **Không Có Danh Sách Chờ Để Tái Tục**

Có một lần, tôi đến Đức (Germany) để dạy Abhidhamma. Trong lớp học có một học sinh hỏi: “Liên quan đến nhân bản, nó có thể được giải thích theo Abhidhamma như thế nào? Có thể hay không?”

Tôi trả lời: “Vâng, có thể. Chừng nào các duyên thụ thai hiện diện, nó sẽ diễn ra, bất kể sự sắp đặt là gì.”

Để sự thụ thai xảy ra những duyên này phải có, nói chung: thường là ngay trước kỳ kinh nguyệt[17] của người mẹ. Phải có sự kết hợp của tinh trùng và trứng[18]. Gantabba sẽ được hình thành ở đó.

Gantabba này nói đến ai? Đó là người vừa mới tử và sẵn sàng để sanh. Có nhiều quan điểm khác nhau từ thời cổ đại về gantabba này. Theo một số truyền thống và tông phái Phật giáo có một niềm tin rằng: linh hồn của người mới qua đời phải chờ từ bảy đến 49 ngày để được tái tục. Nhiều người có khuynh hướng nghĩ theo cách này. Chẳng hạn, người Tây Tạng tin rằng phải mất 49 ngày. Người Nhật quá tin vào những linh hồn như vậy.

Năm 1997 tôi qua thăm Nhật và đến Koyasan, nơi có rất nhiều tu viện. Tôi đã gặp một tu sĩ Nhật đang tụng chú (mantra) cho người chết. Tôi hỏi vị ấy tại sao. Vị ấy nói rằng tụng là để giúp những linh hồn ở lại trong mồ hay

---

[17] Mātāca utunī.

[18] Mātāpitaro sannipatitā.

nghĩa địa, để chỉ cho họ con đường để tìm một kiếp sống mới.

Tôi hỏi: "Vậy ông có biết bao nhiêu linh hồn đã tìm thấy một kiếp sống mới thông qua việc tụng chú của ông hay không? Vị ấy đã trả lời: "Tôi không biết, nhưng theo truyền thống, tôi phải tụng".

Ở nơi khác, mọi người cũng tụng bên người mới chết, nghĩ rằng linh hồn đang tìm kiếm sự tái tục. Mục đích của họ là giúp hướng dẫn gantabba này đến kiếp sống kế tiếp. Ở Singapore và Malaysia, một số tụng Abhidhamma bên tử thi.

Nhiều người ở Myanmar cho rằng khi một người chết, thức (*viññāṇa*) mà họ cho là linh hồn (được gọi là bươm bướm[19]), nán lại trong vùng lân cận của ngôi nhà trong bảy ngày.

Một số người tin rằng khi tử, linh hồn của người đã mất hiện ra để tìm nơi nó có thể bắt đầu một kiếp sống mới. Không thể tìm thấy nó, linh hồn tạm thời ẩn náu trong một sự sống tạm gọi là antarābhava[20]. Họ nghĩ rằng người đó trở thành một linh hồn trong khoảng thời gian này. Tôi nghĩ rằng hầu hết mọi người nhận dạng một cuộc sống linh hồn bằng trung hữu (*antarābhava*)[21] này. Tuy nhiên, kiếp sống của một linh hồn là của một ngạ quỷ (*peta*). Điều này

---

[19] Leik-pya ở Myanmar.
[20] Antara = thời gian giữa hai sự kiện; bhava = đời sống. Vì vậy, nó có nghĩa là khoảng thời gian giữa cuộc sống này và cuộc sống tiếp theo.
[21] Ở giữa các hữu.

không thể được thấy bằng mắt người; như vậy mọi người nghĩ rằng đó là một "linh hồn". Có một người mà tôi biết có thể nhớ lại kiếp trước của vị ấy là một ngạ quỷ (*peta*) - và không phải là một gantabba.

## Ký ức nhớ lại từng là một ngạ quỷ (*peta*)

Ông là một tăng sĩ Miến Điện, U Sobhana, hiện đã ngoài 80 tuổi. Ông ấy từng trú ở San Francisco với Sayadaw U Sīlananda. Ông kể cho tôi về kiếp trước ở cùng làng, nhưng ở một ngôi nhà khác: thế là ở kiếp trước của ông, một nhà; kiếp này, nhà kế. Ông ấy có thể nhớ tên trước đây của mình và tại sao mình chết. Ông có thể nhớ mọi việc: làm thế nào mình mắc bệnh và được điều trị trong bệnh viện. Nhưng ông ấy đã chết vì không thể chữa được. Ông nhớ lại những người mang tử thi của mình và thực hiện các nghi thức tang lễ. Sau đó, ông không thể nhớ điều gì đã xảy ra. Điều tiếp theo, ông có thể hồi tưởng là mình đang ngồi một mình dưới gốc cây, trong rừng sâu. Không có ai xung quanh. Rồi ông ấy nghe ai đó gọi tên mình. Ông đứng dậy nhìn và thấy một quý ông cưỡi một con ngựa trắng.

-- "Hãy theo tôi", người đàn ông ra lệnh. Thế là vị ấy làm theo. Khi họ hiện ra từ khu rừng, ông thấy rằng họ đã đến một ngôi làng.

-- "Ồ, đây là làng của tui", ông ấy nói, vậy là ông đã nhận ra ngôi làng ở kiếp trước của mình.

Tại ngôi làng, người đàn ông chỉ ra một ngôi nhà: "Đi vào ngôi nhà đó đi".

Vị tu sĩ nhận ra đó là nhà cũ của mình. Mặc dù ông đã cố gắng vào nhưng không thể vì không ai cho ông vào.

Rồi quý ông đã hướng dẫn ông ấy: "Nếu không thể, thì hãy vào ngôi nhà này."

Vị lai, Đại đức được sinh ra ở đó.

Vì hai kiếp sống của ông đã ở cùng một ngôi làng, nhiều người có thể nhớ ngày mất của ông. Có hai tháng khoảng giữa hai kiếp sống này, tính đến lúc chín tháng trong tử cung của người mẹ. Ông ấy nghĩ rằng trong thời gian (hai tháng) đó, mình đã trở thành một ngạ quỷ (*peta*) ngay sau khi chết. Đó là lý do tại sao khi làm một chúng sanh khác, ông vẫn có thể chứng kiến đám tang của chính mình - theo sau những người mang tử thi của mình đến nơi hỏa thiêu. Kế đến, thấy mình ngồi một mình trong rừng sâu: đó là ngạ quỷ (*peta*). Ông ấy không chờ đi đến một kiếp sống khác.

Nhiều người tin vào một kiếp sống tạm là những người theo đạo Phật - nhưng với những quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, nếu họ nghiên cứu thật kỹ những lời dạy của Đức Phật, họ sẽ thấy Ngài nói rằng sự tái tục có hiệu quả ngay tức thì một khi sự chết xảy ra. Ngài giải thích nó là vô gián duyên (*anantarapaccayo*)[22]. Điều này để nói rằng sự tử trước tái tục mà không có bất kỳ khoảng thời gian

[22] Là một trong 24 duyên trong bộ Vị Trí (*Paṭṭhāna*).

nào xen giữa. Ngay sau tâm tử (*cuti*) diệt, tâm tái tục (*paṭisandhi*) sanh một lần. Giống như cắt nước bằng dao, nó ngay lập tức được nối lại.

Không có tình trạng chờ tạm thời hay thời gian chuyển tiếp như trong danh sách chờ để sự thụ thai diễn ra. Nó không giống như những người du hành mà không có vé được đưa vào danh sách chờ. Những người mong muốn đến cõi nhân loại không cần vé hay chờ đợi đến lượt mình trong danh sách chờ. Nó không hoạt động theo cách này.

## Không có khoảng trống giữa sự tử và kiếp sống kế tiếp

Sát-na tử của một người, thậm chí không có một giây trôi qua trước khi vị ấy được thụ thai. Nếu các yếu tố phù hợp hiện diện, thì do nghiệp lực, tâm tái tục của một người xuất hiện cùng một lúc ở nơi nghiệp ấy đang hiện diện - bất kể cách xa bao nhiêu.

Nó giống như sóng vô tuyến truyền hình đến từ nước ngoài. Nhưng với thiết bị phù hợp để nhận tín hiệu, hình ảnh và âm thanh xuất hiện ngay lập tức. Điều đó cũng tương tự với phôi thai mới và người với tâm tử (*cuti citta*). Một khi tâm cuối này xảy ra - chỉ kéo dài trong một sát-na danh bằng sanh (*uppāda*), trụ (*ṭhiti*) và diệt (*bhaṅga*) – vào lúc diệt của nó, mà không có quảng thời gian nghỉ tâm kế tiếp theo sau là gantabba, là tâm làm việc thụ thai. Nó xuất hiện ở nơi đúng lúc để tái tục. Luôn có một nơi thích hợp để tìm thấy nó: ngay cả trong phòng thí nghiệm để tạo dòng vô tính.

## Gantabba xuất hiện ra sao

Trong pháp liên quan tương sinh (*paṭiccasamuppāda*), Đức Phật đã dạy rằng nghiệp sản sanh (hay hành - *saṅkhāra*) làm duyên cho thức tái tục: hành duyên thức (*saṅkhāra paccaya viññāṇaṃ*)[23]. Rồi, trong một mối tương quan khác, Ngài đã đề cập thức duyên danh sắc (*viññāṇa paccaya nāma-rūpaṃ*). Ở đây, thức (*viññāṇa*) dẫn đầu - không phải yếu tố trợ sanh. Khi thức sinh, các danh pháp (*nāma*) cùng sanh với nó và cùng với sắc nghiệp (*kammaja rūpa*). Trong trường hợp này, danh pháp (*nāma*) chỉ đề cập đến các trạng thái sở hữu tâm (*cetasika*). Tất cả đều bị trợ tạo bởi nghiệp.

Chúng ta phải nói về hành (*saṅkhāra*) này là pháp thuộc về kiếp trước. Thức (*viññāṇa*) quả mà nó trợ tạo thuộc về kiếp sau: chúng ta gọi nó là sự sanh ra một kiếp sống mới. Sự nối tiếp giữa hai kiếp sống ra sao?

Bạn thấy sự tử xảy ra bằng tâm cuối cùng của sự sống của một người, là tâm tử (*cuti citta*). Nhưng sát-na sống cuối cùng không phải là sát-na tâm tử. Tử (*cuti*) chỉ cho thấy sự kết thúc của tiến trình tâm thức cuối cùng giống như ngọn lửa cuối cùng của đèn cầy. Đổng lực cận tử (*maranāsanna javana*) xảy ra trước, nó là then chốt. Tại sao những đổng lực (*javana*) này chủ yếu là chúng bắt cảnh cuối cùng bị

[23] Ở đây saṅkhāra là hành động có ý chí hay cetanā, mà Đức Phật tuyên bố là nghiệp.

trợ tạo bởi nghiệp (*kamma*)[24]. Cảnh này trợ sanh sự tái tục vì nó sẽ tiếp tục đến kiếp sau mà không ngưng nghỉ.

Vì sự diệt của tâm tử (*cuti citta*), tâm tái tục sanh, bị trợ tạo bởi nghiệp. Tuy nhiên, không chỉ một mình nghiệp, nó phải có các duyên hộ trợ khác. Chúng là chi? Một là cảnh cuối có được bởi các đổng lực cận tử (*maranāsanna javana*). Nó đóng vai trò như một pháp ủng hộ. Nương vào nó, thức (*viññāṇa*) xuất hiện. Không có bất kỳ cảnh nào để bắt, không có tâm (*citta*) nào có thể tồn tại. Trạng thái thực tính của nó là biết một cảnh. Không nghi ngờ rằng nghiệp đã gây ra nó. Tuy nhiên, chỉ bằng cách nắm bắt cảnh do nghiệp trợ tạo này - vì nó sẽ giữ chặt một sợi dây được củng cố - nó có thể xuất hiện. Nếu không thì không có sự tái tục (*paṭisandhi*) nào có thể làm cho nó xuất hiện.

Như vậy, cảnh này thuộc về cả hai kiếp sống. Nó bắt đầu ở kiếp trước và tiếp tục đến kiếp mới[25], tạo thành một cầu nối. Không có cầu nối này, chúng ta không thể đi tiếp đến kiếp sau.

---

[24] Nói rằng, trước khi chết, người đó nhìn thấy một vật (rất mạnh). Như vậy, tiến trình tâm cuối của anh ta là một tiến trình lộ nhãn môn với một cảnh mạnh: Bha1- Bha2 - Bha3 - Pañcadvārāvajjana - Cakkhuviññāṇa - Sampaṭicchana - Santīraṇa -Voṭṭhabbana - Javana1 – Javana2 - … - Javana5 - Tadārammaṇa1 - Tadārammaṇa2 - B - Cuti (sự tử) - Paṭisandhi (tái tục, sinh ra trong kiếp sống mới) - Bha – Bha ... Và v.v… Ở đây Bha là bhavaṅga.

[25] Rồi sau đó, cảnh mới này trở thành cảnh quá khứ (của kiếp trước), được mang theo đến cả kiếp sau bởi tái tục (paṭisandhi), hữu phần (bhavaṅga) và tử (cuti) của nó. Do đó cảnh này quyết định cuộc sống mới của chúng ta. Nếu đó là một cảnh xấu (một cảnh đáng sợ, chẳng hạn), nó trợ sanh một quả xấu trong kiếp sau.

Trong các cõi 5 uẩn, chúng sanh không chỉ có cảnh, mà cả sắc vật (*vatthu-rūpa*)[26] hộ trợ phải hiện có, là pháp đóng vai trò làm nơi nương của tâm. Điều này nói rằng phải có một vật để tâm tái tục (*paṭisandhi*) nương. Như vậy, bám vào cảnh như một dây phơi quần áo, cùng lúc tâm tái tục có thể nương vào sắc vật (*vatthu-rūpa*) là nơi nương. Với hai hộ trợ này, tâm tái tục (*paṭisandhi*) có thể thiết lập sự sống của nó. [Lưu ý rằng không phải mọi cõi hiện hữu đều có sắc vật (*vatthu-rūpa*) làm duyên hộ trợ, nhất là không phải trong cõi vô sắc (*arūpa*), là nơi chúng sanh không có sắc (*rūpa*).]

Vì thế, khi tâm tử diệt, thức (*viññāṇa*) tái tục xuất hiện mà không có bất kỳ khoảng trống nào vì tiến trình danh pháp diễn ra không ngừng và không bị gián đoạn. Đây là sự khởi đầu của một kiếp sống mới như Đức Phật[27] đã giải thích.

_____( )_____

[26] Ba loại sắc (*rūpa*) nghiệp xuất hiện cùng với danh pháp (*nāma*) vào lúc thụ thai: thân thanh triệt (*kāya pasāda*), ý vật (*hadaya vatthu*) và sắc tính (*bhāva*). Bốn sắc thanh triệt (*pasāda rūpa*) khác (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thanh triệt) chỉ xuất hiện sau đó.

[27] Bhava Sutta (*Aṅguttara Nikāya*).

## VI. Tái Tục (*Paṭisandhi*): Liên Kết Đến Luân Hồi (*Saṃsāra*)

Đối với tất cả chúng sinh có sự sống, nghiệp cung cấp một sự sống bằng cách trợ sanh một tâm tái tục (*paṭisandhi citta*)[28] cho mỗi và mọi người vào lúc tử. Trong việc kết hợp hai kiếp sống, tâm tái tục này cung cấp sự liên tục để tiến trình danh pháp không bị gián đoạn.

Bằng hành động liên kết hai kiếp sống khác nhau, hai tiến trình danh pháp khác nhau - ví dụ, kiếp trước là một người nhân loại, một kiếp sống mới là một con chó - chúng ta lang thang từ kiếp này sang kiếp khác trong các cõi của luân hồi (*saṃsāra*), tùy thuộc vào các duyên và tái tục (*paṭisandhi*) khác nhau. Bằng tâm tái tục này, 31 cõi hiện hữu có thể được phân loại, giống như những tâm (*citta*) này được phân biệt trong việc trợ sanh tái tục.

### Tái tục (*paṭisandhi*) bị trợ sanh bởi pháp bất thiện (*akusala*)

Chúng ta hãy lấy tâm tái tục do pháp bất thiện (*akusala*) trợ sanh: thẩm tấn câu hành với thọ xả (*upekkhā santīraṇa*)[29]. 11 nghiệp bất thiện (*akusala kamma*) có khả

---

[28] Paṭi = một lần nữa, một lần nữa; sandhi = tham gia, đoàn kết. Là tác dụng của nghiệp, ý thức kết quả này giống như một hình ảnh phản chiếu không thể thay đổi. Nó cũng không thể được lặp lại một khi nó đã được đưa ra bởi nghiệp.

[29] Đó là cùng một tâm (citta) trong tiến trình danh pháp. Nhưng vào lúc tái tục, nó không làm việc thẩm tra cảnh. Vì tên của nó là sai lệch, ở đây nó được gọi là thẩm tấn thọ xả (*upekkhā santīraṇa*).

năng trợ sanh tâm (*citta*) này ngoại trừ tâm tương ưng điệu cử (*uddhacca*), là tâm không đủ sức mạnh để trợ sanh một kiếp sống mới. Tái tục bất thiện (*akusala paṭisandhi*) này thì giống nhau so với tất cả chúng sanh trong bốn khổ cảnh (*apāya*). Tuy nhiên, đối với chúng sanh địa ngục, sự khổ là khắc nghiệt nhất. Bàng sanh khá hơn, khi so sánh. Mặt khác, ngạ quỷ (*peta*) có nhiều thứ tốt hơn bàng sanh. Mặc dù tâm tái tục (*paṭisandhi citta*) là như nhau, tại sao có sự đa dạng chúng sanh sanh bằng tâm này? Đó là vì có những duyên khác nhau.

Các pháp bất thiện (*akusala*) đã thực hiện bởi một cá nhân không giống như pháp bất thiện đã thực hiện bởi một người khác. Các loại quả rất khác nhau trong địa ngục. Các quả bất thiện (*akusala*) không quá khác ở tái tục bàng sanh. Ác nghiệp ở một mức độ kém hơn đưa đến kiếp sống ngạ quỉ (*peta*). Như vậy, vào lúc hoạt động, nghiệp có thể vận hành với tất cả khả năng hay giảm bớt sức mạnh. Do thấy mức độ của bất thiện (*akusala*), kết quả có thể được đoán biết trước. Một mức độ cao mang lại sự tái tục trong một môi trường quyết liệt không kém như một ngọn núi lửa phun trào. Như vậy, có một mức độ: môi trường cực kỳ nóng, nóng hay không nóng tương ứng với mức độ bất thiện (*akusala*). Còn có các tầng khác nhau của các cõi tùy theo mức độ bất thiện.

Dù có cùng tâm tái tục, chúng sanh ở các cõi khổ không có cùng sự trải nghiệm. Do đó, nhiều pháp bất thiện (*akusala*) khác nhau được thực hiện có sức mạnh khác nhau, mỗi loại có mức độ hay cấp độ riêng.

## Tái tục (*paṭisandhi*) nhân loại

Đối với mọi người, tâm tái tục của họ có thể là một trong chín loại: thẩm tấn thọ xả quả thiện (*kusala vipāka upekkhā santīraṇa*) và tám đại quả (*mahāvipāka*).[30] Chư thiên cũng được sanh bằng những tâm đại quả (*mahāvipāka citta*) này. Tuy nhiên, các tâm (*citta*) này cùng loại hay chăng? Lần nữa, không có sự tương đồng trong việc trợ sanh quả của chúng. Một số người thì nghèo túng, còn một số người khác thì giàu có. Một số thì thông minh, trong khi những người khác thì không. Một số thì trường thọ, một số khác thì yểu thọ. Tại sao điều này như vậy? Đó là vì những gì họ đã làm trước đây không giống nhau.

Trong tám đại quả (*mahāvipāka*), đầu tiên là mạnh nhất và tốt nhất với 3 nhân gồm có vô tham (*alobha*), vô sân (*adosa*) và vô si (*amoha*). Nếu nhân trí không hiện diện, thì duyên về sự sanh là 2 nhân (*dvihetuka*). Chỉ có vô tham (*alobha*) và vô sân (*adosa*) hiện diện, không giống như 3 nhân (*tihetuka*). Do đó, trong một hành động phước thiện (ví dụ, trong xả thí - *dāna*), khi trí dẫn dắt, phước đạt được gọi là thiện tương ưng trí (*ñāṇa-sampayutta kusala*). Không có vô si (*amoha*), đó là thiện bất tương ưng trí (*ñāṇa-vippayutta kusala*), thuộc loại ít hơn.

---

[30] Có tám bởi vì họ có thể với thọ hỷ hoặc thọ xả, tương ưng trí hoặc không, và vô dẫn hay hữu dẫn.

Đối với các loại thiện (*kusala*) khác nhau này vào lúc thụ thai, các tư (*cetanā*) tương ưng của chúng sẽ cho các loại quả tái tục (*paṭisandhi*) khác nhau. Đây là một định luật cố nhiên (*niyāma*) mà nghiệp sẽ trợ sanh quả của chúng ở dạng tương tự. Điều này nói rằng thiện 3 nhân (*tihetuka kusala*) sẽ gây ra quả tái tục 3 nhân (*tihetuka paṭisandhi*). Một thiện 2 nhân (*dvihetuka kusala*) sẽ trợ sanh một tâm tái tục 2 nhân. Như vậy, một loại nghiệp chỉ cho quả cùng loại. Đặt theo cách khác: thông qua nghiệp do bạn thực hiện, bạn sẽ nhận được quả tương ứng của nó.

Kế đến, dù có trí hay không, một số người luôn tự nhiên nhẹ lòng. Điều này là do thọ hỷ (*somanassa*) vượt trội trong tâm tái tục. Họ được tái tục câu hành hỷ trên cơ sở này. Những người có thọ xả (*upekkhā*) hầu như không có khuynh hướng mỉm cười. Cử chỉ, thái độ của họ thường hơi khoan thai, không vui vẻ. Hiếm có cười vui. Như vậy, thông qua chi thọ, sự khác biệt giữa mọi người có thể được thấy. Bạn thuộc dạng nào?

Đức Phật được sinh bằng tâm đại quả (*mahāvipāka citta*) thứ nhất, câu hành hỷ, tương ưng trí, vô dẫn (*somanassa sahagata, ñāṇa-sampayutta, asaṅkhārika*). Tuy nhiên, một số học giả Abhidhamma ở SriLanka cho rằng tái tục (*paṭisandhi*) của Giác hành giả (*Siddhattha bodhisatta*) không thể là câu hành hỷ (*somanassa*) vì Ngài luôn luôn điềm tĩnh và chín chắn trong mọi việc mà Ngài đã làm. Tâm tái tục chỉ có thể câu hành với xả (*upekkhā*). Tuy nhiên, nhiều người khác không đồng ý. Đây là lý do tại sao các thuật ngữ sau đây được sử dụng để ca tụng Đức

Phật: *piyamukha* - khuôn mặt của Đức Phật luôn được sáng ngời với một nụ cười hạnh phúc. Ngay cả khi nói chuyện, Ngài có thói quen mỉm cười trước khi nói. *Sukha sambhāsa*: Thật dễ dàng và vui khi trò chuyện với Ngài.

Đối với người không có nhân trí, họ cần thời gian để hiểu bất kỳ vấn đề thông thường nào, không thể đưa ra câu trả lời tự nhiên, không ngượng ngập hay những giải pháp nhanh. Những người có nhân trí thì sắc bén hơn. Chúng ta gọi những người như vậy là sáng dạ, nhanh trí hay khả năng chỉ số thông minh cao. Họ có thể hiểu nhanh, danh pháp nhanh nhẹn vì tương ưng trí (*ñāṇa-sampayutta*) vào lúc thụ thai. Nó được công nhận rằng chỉ có người 3 nhân (*tihetuka*) cố gắng trong thiền mới có thể nhận ra Thánh pháp. Những người có duyên bất tương ưng trí (*ñāṇa-vippayutta*) sẽ không có khả năng vươn tới mức đó. (Tuy nhiên, những nỗ lực của họ sẽ không vô ích. Đến một mức độ nhất định có thể đạt được sự tiến bộ.)

Bên cạnh những tâm đại quả (*mahāvipāka*), có tâm thẩm tấn thọ xả vô nhân (*ahetuka upekkhā santīraṇa citta*). Người sinh bằng tâm này bị dị tật về thân hay tâm. Trong tử cung, họ đã bị mù, điếc, nghĩa là với một khiếm khuyết bẩm sinh. Không giống như đại quả (*mahāvipāka*), tái tục (*paṭisandhi*) của họ bị trợ tạo bởi nghiệp với sức mạnh yếu. Như vậy, mặc dù lợi thế của việc tái tục nhân loại, nhưng nó là loại thấp.

Những gì ban đầu được đưa ra bởi nghiệp không thể thay đổi. Chẳng hạn, một người với duyên 2 nhân sẽ không có

khả năng đưa lên cấp bậc cao hơn bằng cách có được nhân trí. Vị ấy cũng không thể thay đổi tính khí của bản thân. Như vậy, tùy theo nghiệp của một người đã thực hiện, vị ấy sẽ được đưa đến đích của họ trong kiếp sống. Những người xuất hiện trong cõi nhân loại và cõi trời đã làm những thiện hạnh như xả thí (*dāna*), tuân theo giới (*sīla*) và tu tập thiền. Những người đã phạm vào những ác hạnh (*duccarita*) sẽ đến các khổ cảnh.

_____( )_____

## VII. **U Ba và Maung Hla: Hai Người Khác Nhau Hay Giống Nhau?**

Lưu ý đến trường hợp của U Ba, vào lúc vị ấy chết được tái tục làm Maung Hla. Đứa bé này có thể nhớ lại kiếp trước của mình: "Tôi đã trở lại. Tôi nhớ tôi từng là người đàn ông gọi là U Ba ở kiếp sống ấy."

### Sự tái tục xảy ra ngay sau khi tử của U Ba ra sao

Ông lão này trở bịnh đến gần chết. Lúc bấy giờ, những gì là yếu tố chính quyết định dạng tử mà ông sẽ có khi đang trong hôn mê? Đây là vô minh (*avijjā*), ái (*taṇhā*) và nghiệp (*kamma*). Một trong những nghiệp trước đây trong quá khứ của vị ấy hiện ra làm một cảnh vượt trội trong tâm vừa lúc vị ấy sắp chết. Cảnh này lấn át tâm vị ấy ngay cả khi vị ấy nằm bất tỉnh. Vô minh (*avijjā*) sau đó che đậy thực tính của cảnh cuối cùng này. Do tác động của ái (*taṇhā*), U Ba hài lòng với nó, tâm nghiêng hướng về nó. Với sự diệt của tâm này, tâm tử (*cuti*) sanh. Sắc do nghiệp trợ sanh đi đến dừng lại, bấy giờ nghiệp cho kiếp sống này kết thúc.

Vào sát-na này, do nghiệp lực của hành (*saṅkhāra*) đẩy đi và những pháp trợ giúp của nó, tâm tái tục xuất hiện ở kiếp sống khác. Tâm (*citta*) này cũng lấy những hành động quá khứ của U Ba làm cảnh của nó. (Bạn nên lưu ý rằng không có tâm nào có thể sanh mà không có cảnh.) Theo cách này, khi sự sống kết thúc với U Ba, cảnh cuối cùng nhận được trong hôn mê của vị ấy lại xuất hiện trong sự sống khác -

Maung Hla. Đây là cách một mối tương quan tồn tại giữa hai người này. Cảnh này được lấy từ sự tồn tại của U Ba cùng với nghiệp mới bắt đầu ở lúc tái tục của Maung Hla.

Khi tâm tử (*cuti citta*) của U Ba diệt, tâm tái tục (*paṭisandhi citta*) của Maung Hla bắt đầu. Chừng nào tâm tử (*cuti citta*) của U Ba vẫn chưa diệt, tâm tái tục của Maung Hla chưa thể xuất hiện. Sự diệt của tâm tử này là duyên để tâm tái tục của Maung Hla sanh. Trong bộ Vị trí (*Paṭṭhāna*), điều này được gọi là sức mạnh vô gián (*anantarasatti*): chỉ sau khi một tâm biến mất, tâm kế tiếp mới có thể xuất hiện[31].

Tuy nhiên, trước sự tử của U Ba, Maung Hla vẫn chưa tồn tại. Như vậy, sự tồn tại của Maung Hla và U Ba có thể nói là một dòng. Chỉ có một dòng trong tiến trình danh pháp.

## Tâm tử (*cuti*) có thể trở thành tâm tái tục hay chăng?

Tâm tử của U Ba có thể trở thành tâm tái tục (*paṭisandhi citta*) của Maung Hla hay chăng? Không thể, vì tâm tử (*cuti citta*) này là do một trong những nghiệp quá khứ của U Ba. Khi U Ba được thụ thai, tâm tái tục sanh do nghiệp ở kiếp trước của vị ấy. Nghiệp ấy trợ sanh quả của nó ở kiếp sống của U Ba. Do đó, tâm tái tục (*paṭisandhi*), hữu phần (*bhavaṅga*) và tử (*cuti*) của U Ba là chư pháp quả[32].

[31] Do bởi anantara paccayo, samanantara paccayo, natthi paccayo và vigata paccayo.

[32] Những tâm (*citta*) này chia sẻ cùng một cảnh mà nghiệp đã tạo ra.

Nói rằng tâm tái tục của U Ba là một tâm đại quả bất tương ưng trí (*ñāṇa-vippayutta mahāvipāka*). Trong suốt kiếp sống, ông đã nghe thuyết pháp, thiền và nghiên cứu học Phật pháp. Ông cũng thực hiện những phước nghiệp. Vì tâm tái tục (*paṭisandhi citta*) của vị ấy là tâm bất tương ưng trí, nên tâm tử (*cuti citta*) của vị ấy cũng vậy. Vào lúc tử của ông ấy, vì tâm tử (*cuti citta*) đã diệt nên ngay sau là tâm tái tục (*paṭisandhi*) sanh, câu hành hỷ (*somanassa sahagata*) và tương ưng trí (*ñāṇa-sampayutta*). Đây là do sức mạnh của nghiệp thiện của những thiện hạnh của vị ấy đã cho quả của nó vào lúc tử.

Như vậy, tâm tái tục của Maung Hla tương ưng với trí trong khi tâm tử của U Ba là bất tương ưng trí. Do đó, hai người là giống nhau hay chăng? Không, cho rằng nghiệp đã gây ra sự khác biệt. Đó là điều không thể mà tâm tử (*cuti citta*) của U Ba có thể được truyền lại để trở thành tâm tái tục (*paṭisandhi*) của Maung Hla. Nếu nó là như vậy, thì cả hai sẽ là y hệt nhau. Chỉ có những quả của nghiệp tốt và xấu do U Ba thực hiện là Maung Hla phải hứng chịu.

## Cùng một người hay những người khác nhau?

U Ba trong kiếp này đã qua đời. Trong sự hiện hữu đó, Maung Hla đã hình thành. Tất cả những gì U Ba đã làm, nghiệp lực sẽ được chịu bởi Maung Hla - vị ấy sẽ phải chịu quả. Có phải hai người này thực sự là cùng một người? Không, họ không giống nhau. Vậy họ là hai người khác nhau phải chăng? Không, họ cũng không phải là hai người

khác nhau. Những gì có thể nói là chúng được kết nối bởi nhân và quả trong một dòng tâm thức sanh và diệt thông thường và không gián đoạn.

Tâm sanh do các duyên. Trước đó, nó không ở nơi nào, nó chỉ có một lực tiềm tàng. Vừa sanh, nó diệt ngay tức thì khi các duyên ngừng lại. Như vậy, dòng tâm là một dòng chảy liên tục của các tâm (*citta*) sanh và diệt. Hiện tượng này được nguyên bản gọi là tiến trình liên tiếp (*santati*), luôn dời đổi.

Nghe giọng nói của tôi khi tôi nói. Rõ ràng là âm thanh liên tục biến mất. Âm thanh của từ trước đã biến mất để theo sau là từ kế tiếp. Mỗi âm thanh xuất hiện dựa trên nhân riêng của nó. Giả sử trong việc đọc thuộc lòng A, B, C, D… Sau khi A được phát âm, âm thanh A diệt. Ngay sau đó âm thanh B xuất hiện, dựa trên nhân của riêng nó và không phải vì A. Tương tự như vậy không phải vì vậy mà C sanh do âm thanh B, mà do nhân của riêng nó. Cả âm thanh D không sanh vì là quả của C, mà do nhân và duyên của riêng nó.

Đây là cách tử và tái tục xảy ra, do nhân và duyên của chúng giống như những âm thanh của A, B, C, …

Ví dụ, trong tiến trình tâm biết một cảnh sắc, sau khi tâm khai ngũ môn (*pañcadvārāvajjana citta*) đã diệt, ngay sau đó là nhãn thức (*cakkhu-viññāṇa*) hiện diện. Nó không vì mục đích để nhãn thức này xuất hiện do khai ngũ môn. Kế đến, vào lúc nhãn thức biến mất, tâm tiếp thâu

(*sampaṭicchana citta*) xuất hiện. Một lần nữa, nó không sanh do nhãn thức.

Theo cách này, nó là một tiến trình không gián đoạn: tâm trước biến mất để được theo sau bởi sự sanh của tâm tiếp theo[33]. Chúng ta có thể so sánh U Ba với tâm khai ngũ môn và Maung Hla với nhãn thức vì hai thứ này là một dòng. Họ chia sẻ những kinh nghiệm và tình huống tương tự trong dòng đơn độc này. Tuy nhiên, chúng ta không thể nói rằng chỉ có một người. Thực tính là như thế, là có một sự khác biệt giữa hai người.

Không ngạc nhiên khi Đức Phật nói rằng điều này thật khó hiểu. Không biết thực tính của sự sanh và diệt trong tiến trình danh pháp này, chúng ta - còn là Phật tử - có thể sẵn lòng chấp nhận quan niệm tái tục hay đầu thai.

_____( )_____

[33] Trật tự không thể bị bác bỏ là một định luật tâm (*citta niyāma*). Nó như thứ tự theo mùa của xuân, hạ, thu, đông. Không ai tạo ra các trật tự như vậy, chỉ có mối liên quan nhân và quả. Như lái một xe ô tô: không chỉ là người lái xe. Anh ta không thể làm như vậy nếu một số bộ phận bị thiếu chẳng hạn như bánh xe, xăng. Đức Phật không tạo ra định luật (*niyāma*) này. Ngài chỉ khám phá và đặt tên cho trật tự của tiến trình danh pháp này qua sức mạnh của trí và danh pháp của Ngài.

# VIII. **Ai Bị Tái Tục?**

Theo đúng cách thượng tọa sư (*Theravāda*) chúng ta nói: "Người nào tử thì người ấy tái tục", là một phần của lời nói thông thường. Nhưng ai là người chuyển từ kiếp này sang kiếp kế tiếp?

## Ai lang thang trong vòng luân hồi (*saṃsāra*)?

Ở mức độ hời hợt, cả Phật giáo và Hindu giáo đều có chung các thuật ngữ như luân hồi (*saṃsāra*), nghiệp và quả của nghiệp (*kamma*). Tuy nhiên, có một sự khác biệt lớn trong quan điểm về cách chúng sanh hữu tưởng lang thang trong vòng luân hồi.

Trong Hindu giáo, ngã (*atta*) là người đang lang thang xuyên suốt vòng luân hồi (*saṃsāra*). *Atta* (ta, tự ngã hay linh hồn) này được gọi bằng vài tên khác nhau. Ví dụ, người Hindu dùng thuật ngữ "*atman*", nghĩa là linh hồn riêng là sự sáng tạo của Phạm thiên (*Brahma*) hay linh hồn phổ thông. Theo quan điểm của họ, tất cả các chúng sanh có sự sống sở hữu một thực thể thường hằng là công trình của Tạo hóa. [*Sự giải thoát (mokkha) được nhận ra khi linh hồn cá nhân này hợp nhất với Phạm thiên (Brahma).]* Luân hồi (*saṃsāra*) và nghiệp (*kamma*) được giải thích từ khía cạnh của linh hồn: việc đã thực hiện bởi *atta* là nghiệp (*kamma*). Như vậy, đây là một sự khác biệt lớn với học thuyết nghiệp của Hindu.

Mặt khác, Đức Phật giải thích nghiệp (*kamma*) mà không có ngã (*atta*), là vô ngã (*anatta*), không giống như các tôn giáo khác. Điểm này rất quan trọng. Mặt khác, bạn có thể bị nhầm lẫn về thuật ngữ và nghĩ rằng Đức Phật bắt nguồn từ Hindu giáo như một số người Hindu giáo đã tự nhận. Trong Phật giáo Nguyên Thủy (*Theravāda Buddhasāsana*) không có Chúa trời sáng tạo hay linh hồn phổ thông nào tạo ra tự ngã (*atta*). Không có thực thể thường hằng nào lang thang trong vòng luân hồi (*saṃsāra*) thực hiện nghiệp. Thay vì một linh hồn chỉ có năm uẩn[34] tâm và thân. Không ai tạo ra chúng. Chúng không thể tồn tại mãi mãi vì chúng luôn thay đổi trong một tiến trình liên tục sanh và diệt.

Tuy vậy, thật khó để nhận ra điểm này bằng suy nghĩ thông thường. Nếu không hiểu rõ vấn đề, một người sẽ chỉ bị làm rối hơn bằng các học thuyết của Hindu giáo và nhiều tông phái Phật giáo khác nhau.

## Tu sĩ Sāti

Có một lần vào thời Đức Phật, một vị tu sĩ tên là Sāti tự nhận đã hiểu những gì đức Phật dạy về luân hồi (*saṃsāra*) và nghiệp (*kamma*): "Theo những gì tôi hiểu, đó là linh hồn trong thân và tâm của một người đàn ông nói hay làm." (Theo Hindu giáo, atta sử dụng cả thân và tâm để nói hay hành động. Đây là thuộc về ngã (*attaniya*), có nghĩa là thực thể thường hằng làm chủ cả thân và tâm.)

---

[34] Sắc, thọ, tưởng, danh hành và thức uẩn.

Lấy ví dụ về một xe ô tô. Lái nó, người chủ có thể đi bất cứ nơi nào vị ấy thích. Theo cách tương tự, tự ngã (*atta*) là chủ của thân. Nó là người nói, cảm thọ và hứng chịu, người có hỷ hay ưu và người hưởng. Đây là cách Sāti nhìn thấy nó: linh hồn hứng chịu cả hạnh phúc và bất hạnh là người truyền từ kiếp này sang kiếp khác. Nghĩ rằng đây là quan điểm của một tu sĩ trong thời Đức Phật.

"*Tadeva viññāṇaṃ saṃsarati*", chính là lời của vị ấy về những gì gọi là tâm thường hằng lang thang trong vòng luân hồi bằng cách đầu thai từ thân này sang thân khác, kiếp này sang kiếp khác.

Nghe điều này, các tu sĩ khác nói: "Không nên nói như thế. Đây không phải là quan điểm của Phật giáo". Vây quanh vị ấy, họ cố gắng giải thích những gì là cái thấy đúng. Sāti đã không bị thuyết phục. Do điều này, họ đã đưa vị ấy đến Đức Phật, rồi Ngài hỏi vị ấy: "Ông đã nói về thức (*viññāṇa*). Ông đang nói đến thức (*viññāṇa*) nào?"

-- "*Vado vedeyyo*. Đó là tâm, là pháp nói, cảm thọ và hứng chịu những quả của nghiệp cả thiện và ác."

Sāti chỉ nói một tín đồ Hindu giáo tin dù ông là một tu sĩ Phật giáo.

Rồi Đức Phật nói: "Làm sao ông đi đến sự hiểu biết như vậy về những gì ta đã dạy? Ta đã giải thích rằng tâm sanh do các duyên[35]. Nó không thường hằng. Nó sanh dựa vào nhân. Không có nhân, nó sẽ sanh hay không?"

---

[35] Viññāṇaṃ paṭiccasamuppannaṃ.

-- "Không, nó sẽ không sanh, bạch Ngài."

Đó là lý do tại sao trong duyên khởi (*paṭicca-samuppanna*), "*paṭicca*" nghĩa là do nương vào, và "*samuppanna*" đi đến sanh. Tâm xuất hiện do nương vào nhân. Không có nhân, nó không xảy ra.

Đức Phật đã giải thích cách nhãn thức sanh. Khi cảnh sắc xúc chạm nhãn thanh triệt, nhãn thức sanh. Nếu hai pháp này không gặp nhau, liệu nhãn thức có sanh hay không? Không, nó sẽ không sanh. Tương tự, khi âm thanh xúc chạm nhĩ thanh triệt, khi ấy nhĩ thức sanh. Khi mùi xúc chạm tỷ thanh triệt, tỷ thức sanh. Khi vị xúc chạm thiệt thanh triệt, thiệt thức sanh. Khi cảnh xúc xúc chạm thân thanh triệt, thân thức sanh. Rồi khi ý kết hợp với một cảnh pháp, ý thức xuất hiện.

Khi ông cố gắng để quan sát một cách cẩn thận các duyên này, ông sẽ thấy rằng cảnh thì không thường hằng: trở nên rõ ràng, rồi nó diệt. Kế đến, là nhãn thanh triệt thì thường hằng phải chăng? Không có, nó không thường hằng. Tương tự, âm thanh một khi nó sanh, nó diệt một cách rõ ràng. Nhĩ thanh triệt mà tiếp nhận âm thanh này thì không thường hằng. Dựa trên những duyên vô thường như vậy, làm sao tâm quả có thể là thường hằng?

Theo Đức Phật, đối với một pháp chỉ sanh rồi diệt, làm sao nó có thể chuyển từ một kiếp sang kiếp kế tiếp?[36] Trước khi nó có thể thực hiện một sự dời chuyển, nó đã diệt dứt.

[36] Anicca sambhūtaṃ kuto niccaṃ bhavissati.

Bất chấp sự giải thích của Đức Phật, quan điểm sai trái của Sāti không thể bị xua tan.

## Không có ai vào lúc hành động (làm)

Sāti không thể hiểu được khái niệm về nghiệp (*kamma*) mà không có ngã (*atta*): ai là người hành động và ai là người hứng chịu quả của nghiệp? Theo các tôn giáo khác, ngã (*atta*) hành động và ngã (*atta*) nhận lãnh quả là một. Ngay cả trong thời của Đức Phật, một số tu sĩ cũng nghĩ theo cách này: nếu không có ngã (*atta*), ai sẽ hứng chịu quả của nghiệp? Một tu sĩ nêu lên những câu hỏi này[37]: "Không có ngã (*atta*), làm sao nghiệp có thể mang lại quả? Không có ngã (*atta*), ai gây ra nghiệp? Và ai nhận quả của nghiệp?"

Phật tử phải thấy rõ rằng đó chỉ là hiện tượng. Hiện tượng hành động, hiện tượng nhận lãnh. Không có người làm[38], không có người hứng chịu và không có ngã (*atta*). Đó là sự thấy đúng. Nghĩa là trong một cách hiện tượng thực hiện nghiệp thiện và ác. Do đó, quả của nghiệp xuất hiện cho quá trình này. Mỗi chúng ta đều có quá trình riêng biệt. Nó chịu trách nhiệm cho bất cứ điều gì chúng ta làm. Đức Phật hỏi: "Làm sao để nhận diện chư pháp hành (*saṅkhāra*) luôn hoạt động như ngã (*atta*)?

[37] Trong Saṃyutta Nikāya.

[38] Không có người thực hiện một hành động hoặc một người gặt hái kết quả của hành động đó; hiện tượng một mình chảy vào - không có quan điểm nào khác ngoài điều này là đúng. Trong Thanh Tịnh Đạo, XIX, 20.

Đối với nhiều thượng tọa sư (*Theravāda*), Sāti có một quan điểm đúng là khá khó khăn. Không chỉ là vấn đề khó hiểu. Nhiều người trong số họ đã bị ảnh hưởng bởi các quan điểm khác nhau của các tôn giáo khác.

## Sự đầu thai hay tái tục?

Nếu bạn đã tìm từ "đầu thai" trong từ điển Cambridge, bạn sẽ tìm thấy một sự liên quan đến thuật ngữ "linh hồn". Cụm từ này ám chỉ đến ngã (*atta*) mà chúng ta đang thảo luận. Theo từ điển, người Hindu giáo và Phật tử (có lẽ nghĩa là Phật tử Tây Tạng) tin vào "đầu thai": vào lúc tử, linh hồn của một người thường hằng đi vào thân khác. Khi thân trở nên không còn dùng được nữa, linh hồn đi tiếp đến một thân mới. Vào lúc chuyển đổi, ai lựa chọn? Đó là nghiệp quyết định việc chuyển đổi từ kiếp này sang kiếp khác. Cho đến đây, điều này phù hợp với Phật giáo Nguyên Thủy (*Buddhasāsanatheravāda*). Tuy nhiên, ai là người đi đến kiếp sống kế tiếp? Tại điểm này, chúng ta phải nhận ra sự khác biệt cơ bản. Không có ai có thể được tái sinh. Không có linh hồn bất diệt như vậy chuyển từ một thân vào lúc tử sang thân kế tiếp. Tuy nhiên, nhiều người có quan niệm rằng vào lúc tử, linh hồn từ bỏ thân để lấy một thân mới. Niềm tin này là phổ biến trong nhiều trường phái mang danh "Phật giáo" và trong số những cá nhân như tu sĩ Sāti. Quan niệm này được thể hiện trong các ví dụ như vầy: về một chú chim nhỏ được thay đổi và bay đi; về một người thay quần áo cũ cho những người mới; hay người chuyển từ ngôi nhà cũ sang nhà khác của vị ấy.

Tương tự, ngã (*atta*) của vị ấy rời khỏi thân vào lúc tử đi đến một thân mới. Đây là cách nó được thừa nhận theo Hindu giáo và nhiều trường phái mang danh "Phật giáo".

Phật tử Tây Tạng kiên quyết giữ vững quan niệm "đầu thai" mặc dù họ chấp nhận Phật pháp (*Buddhadhamma*). Những giáo lý về luân hồi (*saṃsāra*) và nghiệp (*kamma*) của họ đã được trộn lẫn với những niềm tin trái ngược với giáo lý nguyên thủy như Đức Phật đã dạy. Nếu chúng ta không từng trải hay thích nghi như Phật tử Theravāda, chúng ta có thể đi theo những tín đồ Phật giáo Tây Tạng này về việc tu tập của họ: học cách tụng "Om mani padme hum" (bên trong hoa sen là ngọc ruby[39]). Thần chú này liên quan đến "đầu thai" vì trong Phật giáo Tây Tạng nó có xu hướng ưu tiên nhất.

"Đầu thai" không có chỗ trong Phật giáo Nguyên Thủy mà chỉ duy trì mối liên quan nhân và quả. Thay vào đó, những gì được chấp nhận là thuật ngữ "tái tục" (*punabbhavo*). Trong sự nối lại sự sống, nó không phải là cùng một người mà cũng không phải là hoàn toàn người khác[40]. Quan niệm rằng người đã tử là một lần nữa sanh làm một người mới. Mặc dù có một mối liên quan giữa hai người, nó không với mục đích để cho người đã chết hồi sinh lần nữa làm chúng sanh mới này.

Theo Đức Phật, chỉ có tâm và thân. Năm uẩn cấu tạo nên một người thì vô ngã (*anatta*). Bên cạnh những pháp này

---

[39] Mani= ngọc ruby; padme = sen.

[40] Na ca so na can añño. (In Milindapañha Pāḷi.)

ra có gì khác? Không có gì khác cả. Đức Phật đã chỉ ra rằng những người nắm giữ quan niệm sai đã nhận ra một trong những uẩn này là một thực thể thường hằng. Tuy nhiên, nếu chúng ta nghiên cứu những uẩn này, chúng ta sẽ không tìm thấy bất cứ thứ gì – bên trong và bên ngoài – là một thực tính thường hằng. Không thể tìm thấy ngã (*atta*) ở nơi nào: đây là những gì Đức Phật đã tuyên bố rõ ràng. Trong thế gian này, không có một sắc nào thường hằng dù nhỏ nhất.

Tuy nhiên, nó dễ hơn đối với những người có quan điểm về ngã (*atta*) giải thích về luân hồi (*saṃsāra*) cho mọi người. Đây là vì họ có thể dùng ví dụ về việc thay thế một thân suy nhược, hư hoại bằng một mô hình mới. Nương vào nghiệp, người thực hiện nhiều thiện hạnh sẽ có được một thân tốt: như một người nhân loại hay một vị trời. Nếu không, vị ấy sẽ trở thành một trong những loài bàng sanh hay ngạ quỷ (*peta*) chẳng hạn.

Trong những vấn đề về tái tục như vậy, Đức Phật nói rằng nó cực kỳ khó để làm cho bất kỳ người bình thường nào hiểu được. Thậm chí nhiều thượng tọa sư (*Theravāda*) bối rối trước các quan niệm về đầu thai và cái thấy thường hằng (*sassata diṭṭhi*) với niềm tin của họ. Nhiều người thực hiện các thiện hạnh với ý định thu về lợi ích ở kiếp sống tiếp sau của họ. Không có khả năng thiền quán, nhất là không có hướng phát triển trong tương lai về tuệ quán (*vipassanā*), rất dễ có những quan điểm sai lầm này. Như vậy, như tu sĩ Sāti, nhiều người nghĩ rằng tâm là một thực thể thường hằng lang thang trong vòng luân hồi (*saṃsāra*).

_______( )_______

## IX. Làm Sao Để Dừng Lại Nghiệp (*Kamma*)

Trong vòng luân hồi (*saṃsāra*), nhiều nghiệp (*kamma*) khác nhau đã được tích lũy trong chúng ta. Chẳng hạn một cây mang hàng ngàn quả mỗi lần. Nếu tất cả những hạt giống này mọc được lên thành cây, điều gì sẽ xảy ra? Chúng ta sẽ ở trong rừng sâu. Nhưng không phải tất cả các hạt có thể phát triển. Theo cùng cách, không phải tất cả các nghiệp đã tích lũy trong chúng ta đều có thể trợ cho sanh quả của chúng. Chỉ một số ít sẽ có cơ hội. Một số trở nên vô hiệu. Những nghiệp khác không có cơ hội để trợ sanh quả của chúng. Nếu không, chúng ta không có cách nào để thoát khỏi nghiệp.

Thật ra, trước tiên, chúng ta phải hiểu rằng nghiệp (*kamma*) không thể bị loại bỏ trực tiếp. Những gì đã được thực hiện không thể bị tháo gỡ. Có thể nào chúng ta thay đổi những gì đã xảy ra hôm qua? Có thể nào chúng ta mang nó trở lại hay không? Không, chúng ta không thể vì nó không còn nữa. Không thể thay đổi những gì đã được thực hiện.

### Những cách dừng lại nghiệp

Tất cả các tôn giáo đều có những quan niệm và cách dừng lại nghiệp của riêng họ. Đối với người tin theo Kitô giáo, Chúa Giêsu xóa bỏ nghiệp của họ và cứu mạng họ. Một người xấu cũng có thể được cứu bởi Chúa Giêsu vào lúc tử do nhờ sự tha thứ. Bằng cách hướng dẫn sống một đời sống trong sạch, cầu nguyện và xưng tội với linh mục hay

mục sư những lỗi lầm của họ, một người tin theo Kitô giáo có thể thoát khỏi nghiệp.

Người Hồi giáo cầu nguyện năm lần một ngày - đó là nghiệp tốt. Họ cũng cử hành lễ Ramadan. Theo cách này, họ có thể loại bỏ nghiệp xấu. Jains (*niganthā*) (theo nguyên bản hợp với kinh điển của Phật giáo) tin rằng họ có thể ngăn chặn bất kỳ loại nghiệp mới nào, không chỉ những loại xấu. Nghiệp cũ đã tích lũy có thể được gỡ bỏ bởi thực hành khổ hạnh. Bằng cách này, họ tin rằng họ có thể thoát khỏi nghiệp và đạt đến giải thoát.

## Cầu nguyện có thể giúp hay chăng?

Ở Ấn Độ, người Brahma có thói quen cầu nguyện bên tử thi: "Mong bạn được sinh ở cõi trời". Tuy nhiên, theo Đức Phật[41], những lời cầu nguyện không thể làm gì. Họ cũng không thể mang lại một cuộc sống tốt hơn hay cứu người khác. Điều gì xảy ra nếu một hòn đá nặng bị rơi trong nước? Nó sẽ chìm. Rồi giả sử nhiều người Brahma tụ tập lại để cầu nguyện: "Này hòn đá lớn, nổi lên. Này hòn đá lớn, nổi lên." Bằng cách cầu nguyện, đá sẽ nổi lên hay không? Cũng vậy đối với một người xấu. Giả sử chúng ta đã cầu nguyện cho vị ấy: "Xin hãy lên thiên đàng. Xin hãy lên thiên đàng. Mong bạn có một kiếp sống tốt hơn." Nó sẽ không thể xảy ra. Rồi Đức Phật đã đưa ra một phép loại suy cho một người tốt: một nồi bơ sữa trâu lỏng vỡ, rơi xuống nước. Các bơ sữa trâu lỏng nổi lên mặt nước. Nhiều

[41] Gāmaṇisaṃyutta, Asibandhakaputta, Saṃyutta Nikāya.

người tụ tập xung quanh để cầu nguyện: "Bơ sữa trâu lỏng, xin hãy chìm xuống. Xin hãy chìm." Điều này cũng không thể xảy ra. Như vậy, cầu nguyện là không thể.

## Cách của Phật giáo

Đức Phật luôn nói đến nghiệp (*kamma*) cùng với phiền não (*kilesa*) như một đôi. Mọi người thường chỉ đến một mình nghiệp. Nhưng không có phiền não, nghiệp trở nên biệt lập và không thể có tác dụng. Tóm lại, nếu các danh pháp phiền não diệt, nghiệp sẽ dứt. Nếu phiền não vẫn còn, nghiệp cũng sẽ còn.

Bạn thấy, đây là vấn đề về liên quan tương sinh (*paṭiccasamuppāda*) cho thấy toàn bức tranh của kiếp sống của chúng ta. Ở đây, Đức Phật đã chỉ định gốc phiền não (*kilesa*) là vô minh (*avijjā*) trong vòng sanh và tử. Tư (*cetanā*) hoạt động của hành (*saṅkhāra*) hay nghiệp (*kamma*) sanh tùy thuộc vô minh. Như vậy, "vô minh duyên hành (*avijjā paccayā saṅkhārā*)". Do vô minh của chúng ta, chúng ta hành động theo mong muốn của chúng ta, không biết những gì nên hay không nên được thực hiện. Hành (*saṅkhāra*) này trợ sanh nghiệp quả của thức (*viññāṇa*), đó là một tâm tái tục (*paṭisandhi*) của một kiếp sống mới. Như vậy, "hành duyên thức (*saṅkhāra paccayā viññāṇaṃ*)". Với những duyên đúng, mầm mống tái tục (*paṭisandhi*) sẽ đâm chồi với danh sắc (*nāma-rūpa*) sanh cùng với nó. Do đó, Đức Phật đã nói: "Thức duyên danh sắc (*viññāṇa paccayā nāma-rūpaṃ*)". Rồi "danh sắc duyên sáu xứ (*nāma-rūpa paccayā saḷāyatanaṃ*)": với các

quyền tiếp xúc với thế giới bên ngoài là có thể. Chúng ta thấy, nghe, nghĩ, và v.v… Với tiếp xúc, thọ sanh. Chúng ta muốn ngày càng nhiều cảnh đáng mong mỏi. Ái xuất hiện. Sân hận phát triển với những cảnh không đáng mong mỏi. Rồi có "thọ duyên ái (*vedanā paccayā taṇhā*)". Tâm với ái (*taṇhā*) trở nên chiếm lĩnh mạnh mẽ cùng với sự chấp thủ (*upādāna*). Với hoàn cảnh này, có sự mong muốn cho sự sống tồn tại. Vì nghiệp tích lũy, qua đó, sự sanh sẽ xảy ra lần nữa. Do đó, sầu (*soka*), khóc (*parideva*), khổ danh (*dukkha*), ưu (*domanassa*), đó là vấn đề sẽ đi theo sau. Như vậy, theo khía cạnh của pháp liên quan tương sinh (*paṭiccasamuppāda*): Những gì bắt đầu lại không phải là một thực thể thường hằng, mà chỉ là những hiện tượng đó là một khối khổ, bắt đầu bằng si (*moha*).

Như vậy, chu kỳ này xảy ra lặp đi lặp lại bằng sự tích lũy hành (*saṅkhāra*), như một cái cây theo mùa mang hoa, quả và hạt trong vòng tròn bất tận.

Nếu bạn không thích hạt giống và mong muốn thoát khỏi quá trình bất tận như vậy thì bạn phải cắt gốc rễ của cây. Không cần đốn ngã cây. Trong Dhammapāda có nói rằng nếu bạn thực hiện, để nguyên rễ, cây sẽ mọc lại không biết bao nhiêu lần. Nếu bạn không đoạn tận phiền não (*kilesa*), những danh pháp phiền não này sẽ xảy ra không biết bao nhiêu lần. Rễ là duyên hộ trợ chính: đó là gốc phiền não (*kilesa*) của cây luân hồi (*saṃsāra*) của vô minh (*avijjā*) và ái (*taṇhā*). Nếu đoạn tận, quả hành (*saṅkhāra*) sẽ dứt. Do đó, sẽ không còn sản sanh hạt giống nữa.

# Đưa nghiệp đối kháng lại nghiệp

Trong một số kinh, Đức Phật đã chỉ ra bảy chi phần giác ngộ (*bojjhaṅga*) và nhóm tám Thánh đạo là nghiệp (*kamma*)[42]. Những nghiệp này rất quan trọng vì chúng có thể phá hủy các nghiệp khác. Nó giống như một số người phải dùng thuốc kháng thể[43]. Nhưng nếu nó được trợ sanh tự nhiên trong thân, thì thuốc như vậy là không cần thiết. Có phải vậy không? Đó là tự nhiên đến tự nhiên; đây là nghiệp đến nghiệp. Nếu chúng ta phát triển những chi phần giác ngộ và nhóm tám Thánh đạo này, chúng ta có thể thoát khỏi nghiệp. Rất mạnh mẽ, những pháp này không bao giờ trợ cho tái tục. Thay vào đó, chúng dẫn đến Nibbāna, phá hủy nghiệp trong vòng luân hồi (*saṃsāra*).

---

[42] Theo Aṭṭhasālinī, 21 sở hữu tâm (*cetasika*) liên quan đến tư (*cetanā*) hay động lực được gọi là nghiệp (*kamma*). Ba pháp bất thiện là sự tham dục (*abhijjhā*), sân độc (byāpāda) và tà kiến (micchā diṭṭhi). Thế thì sự vô tham dục (*anabhijjā*), vô sân độc (abyāpāda) và chánh kiến (*sammā diṭṭhi*) thuộc về thiện (*kusala*). Ngoài ra, còn có bảy chi phần giác ngộ và tám chi Thánh đạo. Có sự trùng khớp của một số sở hữu tâm (*cetasika*), ví dụ định (*samādhi*) thuộc cả giác chi (*bojjhaṅga*) và chi đạo (*maggaṅga*). Chánh kiến (sammā *diṭṭhi*) giống như trí (*paññā*) và trạch pháp giác chi (*dhammavicaya sambojjhaṅga*). Như vậy, danh sách có thể bị giảm còn 17 sở hữu tâm (*cetasika*), bao gồm cả tư (*cetanā*): 1. Chánh kiến (*Sammā diṭṭhi*) 2. Chánh tư duy (*Sammā saṅkappa*) 3. Chánh ngữ (*Sammā vācā*) 4. Chánh nghiệp (*Sammā kammanta*) 5. Chánh mạng (*Sammā ājīva*) 6. Chánh tinh tấn (*Sammā vāyāma*) 7. Chánh niệm (*Sammā sati*). 8. Chánh định (*Sammā samādhi*) 9. Hỷ giác chi (*Pīti sambojjhaṅga*) 10. Khinh an giác chi (*Passadhi sambojjhaṅga*) 11. Xả giác chi (*Upekkhā sambojjhaṅga*) 12. Tham dục (*Abhijjhā*) 13. Sân độc (*Byāpāda*) 14. Tà kiến (*Micchā d*iṭṭhi) 15. Vô tham dục (*Anabhijjā*) 16. Vô sân độc (*Abyāpāda*) 17. Tư (*Cetanā*).

[43] Một chất được cơ thể sản sanh trong máu để chống lại bệnh tật.

Tuy nhiên, chúng ta phải cẩn thận lưu ý rằng không phải tất cả các loại hỷ (*pīti*) đều là nghiệp (*kamma*), chỉ những loại thuộc về giác chi (*bojjhaṅga*) ấy. Hỷ (*pīti*) phối hợp với pháp bất thiện (*akusala*) không phải là nghiệp. Đức Phật cũng không bao giờ nói rằng cần (*vīriya*) phối hợp với pháp bất thiện là nghiệp, chỉ có cần trong giác chi và chi đạo (*maggaṅga*) là nghiệp. Tương tự, nhất hành (*ekaggatā*) (còn gọi là định - *samādhi*) không thể được gọi là nghiệp khi nó được phối hợp với pháp bất thiện. Đó là nghiệp chỉ vì nhất hành (*ekaggatā*) trong giác chi (*bojjhaṅga*) và chi đạo (*maggaṅga*). Đức Phật muốn nói rằng những sở hữu tâm (*cetasika*) này chỉ ở mức độ cao mới có thể đưa đến Nibbāna.

## Vào Lúc Đạo Ứng Cúng (*Arahatta-magga*)

Bằng cách phát triển những chi phần này trong thiền, một điểm đạt được khi chúng được hoàn thiện đầy đủ (đặc biệt là trong việc hiểu đúng) và khi tất cả các danh phiền não bị cháy rụi. Pháp thiện (*kusala*) là pháp đối lập trực tiếp của pháp bất thiện (*akusala*). Chỉ cần có pháp bất thiện, pháp thiện sẽ vẫn còn. Nếu không còn pháp bất thiện nữa, pháp thiện thì không cần thiết. Vì nghiệp quả không còn duyên hộ trợ nữa. Nó giống như giữ một hạt giống trong một cái chai cách xa đất và nước. Đạo Ứng cúng (*Arahatta-magga*) là thiện cao nhất xảy ra. Sau đó không còn thiện xuất hiện. (Thay vào có tố - *kriya*.) Bất cứ ai làm như vậy đã trở thành một bậc Ứng cúng (*Arahant*) với vô minh bị loại bỏ và dứt phiền não (*kilesa nirodha*). Như

vậy, tâm đại tố (*mahākriya citta*) của vị ấy giống như sự nở hoa của một cây hoa có gốc đã bị cắt. Rốt cuộc, cây sẽ teo lại và chết. Vì nghiệp không thể hoạt động trong vị ấy được nữa, những hành động của vị ấy giống như những hoa trên cây mà sẽ không kết trái. Những hành động của vị ấy không thể trợ sanh kiếp sau vì vị ấy không có bất kỳ danh phiền não nào. Mặc dù các tâm đại tố (*mahākriya citta*) của vị ấy có vô tham, vô sân và vô si (*alobha*, *adosa*, *amoha*) đối lập với tham, sân và si (*lobha*, *dosa*, *moha*), họ không còn kẻ thù nào để đấu tranh. Ở một số nước luôn có hòa bình vì không có người chống đối để tiến hành đấu tranh. Dù có một đội quân, họ chỉ để phô trương. Theo cùng một cách mà vô tham, vô sân và vô si (*alobha*, *adosa*, *amoha*) phối hợp với tâm đại tố (*mahākriya citta*) không còn kẻ thù để đấu tranh. Như vậy, nghiệp lực không thể tích lũy. Không giống như chúng ta, vì tiến trình danh pháp của chúng ta có cả nhân thiện và bất thiện, nghiệp lực như vậy tiếp tục tích lũy.

Đối với bậc Ứng cúng (*Arahant*) vào lúc tử - vì nghiệp không thể trợ sanh bất kỳ quả (*vipāka*) nào - nghiệp quả cũng dứt. Tất cả khổ đều dứt. Đó là Nibbāna khi lửa bị dập tắt vì không còn nhiên liệu. Trong khi đó, ở kiếp hiện tại không có phiền não (*kilesa*), không có sự say mê chẳng hạn như tham và sân không thể sanh. Tâm của vị ấy yên lặng và thản nhiên trong tự do hay giải thoát (*vimutti*).

Dù không có tích lũy nghiệp mới, những nghiệp cũ vẫn còn. Những gì đã được thực hiện vẫn còn. Chúng vẫn sẵn sàng hoạt động chỉ cần có năm uẩn. Dù các nghiệp cũ

không có sức mạnh trợ sanh một kiếp sống mới, chúng vẫn có thể hành động để ủng hộ hay ngăn trở trong suốt kiếp sống hiện tại của bậc Ứng cúng (*Arahant*). Thời gian không phải luôn là vàng ngay cả đối với Đức Phật. Vị ấy phải khổ do những ác hạnh đã làm ở nhiều đại kiếp trong quá khứ. Đó là nghiệp quả bất thiện không thể tránh khỏi.

Kế đến, có Aṅgulimālā đã giết hàng trăm người, và thậm chí đã cố giết Đức Phật. Là một tu sĩ, ngài đạt được quả Ứng cúng (*Arahant*) với tất cả các phiền não (*kilesa*) bị đoạn tận. Dù vị ấy đã giết rất nhiều, sự sát sanh (*pāṇātipāta*) của vị ấy không có kết quả cho kiếp sau. Nếu không thì vị ấy sẽ ở địa ngục. Đạo Ứng cúng (*Arahatta magga*) rất mạnh mẽ, đã xoá bỏ bất cứ điều bất thiện nào mà vị ấy đã làm. Nhưng ở kiếp sống hiện tại, vị ấy không thể tránh khỏi quả của nghiệp xưa. Trên đường đi khất thực của mình, bát của vị ấy bị vỡ, và y của vị ấy bị rách. Nhiều viên đá ném trúng vị ấy, là nguyên nhân của chảy máu và có lúc bị gãy xương. Vì mọi người vẫn còn sợ vị ấy, họ đóng cửa lại với vị ấy.

## Thế gian và quan điểm của bậc Ứng cúng (*Arahant*) đối với sự sống và sự chết

Xem xét trường hợp của Đại đức Sāriputta, một bậc Ứng cúng (*Arahant*). Bảy ngày trước, vị ấy tự mình kiểm tra sức khỏe và nhận ra rằng Ngài sẽ qua đời sau một tuần. Đối với bất kỳ người bình thường nào được bác sĩ thông báo, bạn bị ung thư giai đoạn cuối sau khi kiểm tra sức khỏe, vị ấy sẽ rất lo lắng. Đây là do sự tham luyến vào thân. Ngay cả các tu sĩ trong thời của Đức Phật cũng không khác.

Có một tu sĩ khổ rất nhiều vì bệnh. Vì vị ấy là một người tu thiền giỏi, sự quyến luyến và những danh phiền não khác không xuất hiện trong một thời gian dài. Điều này khiến vị ấy nghĩ rằng vị ấy là một bậc Ứng cúng (*Arahant*), không có phiền não (*kilesa*). Nhưng vị ấy vẫn còn phiền não - chỉ có vị ấy không biết điều đó. Khi vị ấy không thích sống trong đau đớn nữa, vị ấy muốn tự sát. Đó là sân độc vi tế. Bạn thấy các cây bắt đầu từ rất nhỏ, sân độc cũng vậy. Vị ấy có vô minh về trạng thái danh pháp của chính mình. Đại đức Sāriputta đã cố gắng can ngăn ông khỏi phạm vào giới tự sát. Nhưng ngay khi Ngài rời đi, tu sĩ bị bệnh đã cắt cổ họng bằng dao cạo.

Tâm con người rất buồn cười. Sau khi cắt cổ họng, nỗi sợ hãi xuất hiện. Rồi vị ấy nhận ra: “Tôi phải chết”. Vào sát-na ấy, vị ấy nhận biết sự sợ hãi: “Ồ, sợ hãi là sân (*dosa*). Rốt cuộc ta còn phiền não.” Trước đó, vị ấy nghĩ vị ấy không có tham luyến vào sự sống, bị tách rời về thân của

vị ấy và mọi pháp. Như vậy, vị ấy nghĩ rằng vị ấy không có những danh phiền não. Là một người tu thiền giỏi, vị ấy nhận thấy điều đó khi nỗi sợ hãi sanh. Lập tức, vị ấy quán nó như một đề mục thiền. Trong lúc làm như vậy, vị ấy trở thành một bậc Ứng cúng (*Arahant*). Ngay sau khi đạt được Đạo và Quả Ứng cúng (*arahatta-magga* và *phala*), vị ấy đã qua đời - một kết thúc có hậu cho một sự tự sát.[44]

Do vô minh, không biết về sân độc và sợ hãi, vị ấy đã phạm vào tự sát. Nếu vị ấy nhận ra sớm hơn, thì "Ồ, phiền não (*kilesa*) của tôi tạm thời bị ẩn. Bên trong, chúng vẫn còn đó," vị ấy sẽ không bao giờ tự sát. "Ta thoát khỏi những danh phiền não. Như vậy, ta có thể phạm vào tự sát." Khả năng là vị ấy có thể có ý nghĩ này? Một quan niệm như vậy là không thích hợp. Nếu vị ấy muốn chết, đó là vì vị ấy ghét không muốn sống. Ghét là điều quan trọng. Không ai muốn chết. Sự chết không bao giờ được thích. Tuy nhiên, vị ấy không thích hoàn cảnh hiện tại của mình, nghĩa là, điều đó quan trọng hơn với vị ấy.

Điều này không đúng với Đại đức Sāriputta. Ngài không sầu, lo lắng, thực sự không có tham luyến dính mắc vào thân hay sự sống của mình. Ngài chỉ nghĩ về việc tiến hành

[44] Một bậc Ứng cúng (*Arahant*) như vậy được gọi là jīvita samasīsi (jīvita = mạng, sama = bằng và sīsa = đầu). Trong cuộc đua ngựa, hai con ngựa đạt đến cột đích cùng một lúc. Ở đây, sự chết và sự đạt đến mục tiêu - không cùng nhau, chỉ lần lượt từng giây một.

nghĩa vụ cuối cùng của mình: để giải thích Giáo pháp cho mẹ (người vẫn cầu nguyện Phạm thiên Brahma)[45].

Trước tiên, Đại đức Sāriputta thấy mạng sống là một vấn đề lớn, rất nặng nề chỉ để tiếp tục sống. Tuy nhiên, thái độ của Ngài không phải do trầm cảm: "Sự sống rất nặng nề, phiền toái. Nó giống như mang một ngọn núi trên đầu tôi." Trong Theragāthā, ngài đọc bài kệ này: "Tôi không có tham luyến vào sự sống. Tôi không muốn chết. Tôi không có sự mong mỏi sống hay chết. Ngài chỉ chờ ngày cuối cùng của Ngài. Ngày ấy sẽ là phần thưởng của Ngài, vì khi ấy: "Tôi sẽ thoát khỏi tất cả các loại khổ."

_____( )_____

[45] Ngài phải mất một tuần để bước đi về làng quê. Vào ngày thứ bảy, Ngài đến và ở trong căn phòng nơi Ngài sinh ra. Đêm muộn Ngài bị bệnh tiêu chảy. Gần sáng sớm ngày hôm sau, sau khi nghe Ngài nói chuyện, mẹ Ngài nhận ra Giáo pháp. Không lâu sau, Ngài qua đời.

# X. Đi Du Hành Với Thẻ Nghiệp (*Kamma*)

Nếu bạn xem xét bất kỳ người nào, bạn sẽ thấy rằng hoàn cảnh của anh ấy hay cô ấy không giống với người khác. Nó không chỉ là về nghề nghiệp; nó liên quan đến các hành động và tính khí làm cho mỗi người tách rời nhau. Làm sao nó như vậy? Một số cá nhân lấy mạng sống của người khác; trong khi một số tránh làm như vậy. Một số trộm cắp hay lừa đảo tài sản những người khác. Thậm chí có những người không chạm vào đồ của người khác. Có những người có quan hệ tình dục trái phép. Tuy nhiên, những người khác thậm chí không cân nhắc ý nghĩ như vậy. Như vậy, không có hành vi khác nhau như vậy phải chăng? Bạn có thể dễ dàng thấy sự khác biệt về hành vi xung quanh bạn.

Theo cùng một cách liên quan đến khẩu nghiệp, một số người bị mắc lừa ở lời nói trái ngược những người chỉ nói sự thật. Rồi có những người làm điều ác bằng cách dàn cảnh để một người chống lại người khác, trong khi một số người cố gắng giảng hòa hai bên. Một số người bị ngược đãi không giống như những người khác. Hay họ thích nói những điều vô nghĩa hay về những điều không lợi ích. Ngược lại, một số thì không. Như vậy, lời nói có liên quan, nó rõ ràng không có hai cá nhân giống nhau.

Tiếp theo điều phải nghĩ đến là tính khí của một người. Một số người luôn bị khắc chế bởi tham cầu (*abhijjhā*) bằng cách thèm muốn tài sản của người khác. Ngoài ra, những người khác không hề bận tâm ngay cả nhìn vào tài

sản của người khác, không dính vào việc thèm muốn nó. Rồi một số cá nhân mong muốn thấy những người khác bị tổn hại, trái lại với những người chỉ mong muốn về sự khỏe mạnh và hạnh phúc của họ. Có những người không tin vào nghiệp và quả của nghiệp chẳng khác gì người hành động.

Do đó, có những người phạm vào những ác hạnh cũng như những người làm những thiện hạnh. Nhìn vào người hàng xóm, cộng đồng và chung quanh bạn đang ở. Bạn có tình cờ gặp những loại hành vi tương phản này chăng? Theo sau sự chết của những người này, có khả năng hai loại người này sẽ đạt đến sự sống tương tự hay chăng? Không, họ sẽ không. Điều này đưa ra để cho thấy rằng các điểm đến tương ứng của họ sẽ theo nghiệp (*kamma*)[46]. Do đó, một cõi hiện hữu là nơi nghiệp trợ cho sanh quả của nó. Dựa vào sự đa dạng của nghiệp, theo sau nó có đủ loại chúng sanh và các cõi hiện hữu của họ. Không thể chỉ có một cõi. Do những hành vi khác nhau của mọi người, không thể nào nơi đến của họ trong kiếp sau sẽ giống nhau. Nó giống như lên một chuyến tàu hỏa ở Yangon để đi đến Mandalay. Trên đường đi, nó sẽ vượt qua một số trạm. Một số hành khách sẽ bước xuống tại các nhà ga này, mà không đi về hướng Mandalay. Theo cùng một cách, dựa vào tất cả các loại nghiệp đã thực hiện bởi mọi người, có

[46] Yathā kammaṃ gato.

nhiều nơi đến khác nhau mà họ sẽ hướng đến vào cuối kiếp sống. Nói chung, có năm nơi đến hay ngũ thú (*gati*)[47].

Nếu bạn thử nhìn vào thế gian, bạn thấy mọi người di chuyển quanh quẩn, đi đến bất cứ nơi nào họ định đi. Để tìm ra nơi họ muốn đi, bạn chỉ cần nhìn vào vé họ đang nắm giữ. Có hành khách trên xe lửa, xe buýt, xe hơi và máy bay. Nếu bạn đã kiểm tra vào lúc đến và đi của các sân bay lớn ở bất kỳ quốc gia nào, bạn sẽ thấy rằng thực tế có một máy bay hạ cánh hay rời đi ở khoảng mỗi phút. Như vậy, mọi người đang đến và đi ở khoảng mỗi phút. Tất cả không có cùng nơi đến. Họ đang đi theo vé họ giữ.

Một số người sẽ đến cõi người để bắt đầu kiếp sống nhân loại. Đã mua vé nghiệp của họ, họ sắp đi về hướng nơi mà nó cho quả của nó. Điều này đã không được Đức Phật dạy qua suy luận hay suy đoán. Vì lý do này, Ngài nói: "Pháp mà ta dạy không phải qua lời đồn từ những người khác, pháp ấy được chính ta nhìn thấy, do đó, ta đích thân biết đến điều đó." Qua tuệ của Ngài[48] với thiên nhãn (*dibbacakkhu*), Ngài có thể nhìn thấy cả thế gian: "Đúng, người này đang phạm ác hạnh." Con đường vị ấy đang du hành: nơi nó kết thúc, Đức Phật có thể thấy. Trong các bài

---

[47] Gati: 五趣: Ngũ thú: 地獄 = địa ngục; 畜生 bàng sanh; 餓鬼= ngạ quỷ; 餓鬼= nhân loại; 天= thiên (trời)./ Hoặc duggati 悪趣= ác thú & sugati 善趣= thiện thú. Thú: (Thuật ngữ Phật giáo) Nơi chúng sinh đi đến trong vòng luân hồi.

[48] Yathā kammūpaga ñāṇa.

thuyết, Ngài đưa ra những điều tương tự[49] để cho thấy những nơi đến khác nhau của chúng sanh.

## Năm nơi đến (Ngũ thú)

Có năm tuyến đường đưa đến những thói quen khác nhau. Một trong chúng kết thúc trong một hầm than đang cháy đỏ khổng lồ. Do đó, Đức Phật có thể thấy: người đàn ông này đang đi trên con đường dẫn đến cái hố ngụt cháy này. Đi đến đó, ông ấy sẽ rơi vào. Đó là khi ông ấy bắt đầu khổ. Điều này nói rằng ông ấy là người sẽ đi đến địa ngục. Như vậy, bất cứ ai đang phạm vào những việc làm hay nghiệp bất thiện là đang hướng đến hố than nóng đỏ theo con đường địa ngục (*niraya gati*).

"Vâng, người đàn ông đó đang đi trên con đường đó. Ở cuối con đường là một hố phân rộng lớn và sâu thẳm," Đức Phật biết qua thiên nhãn thông (*dibbacakkhu abhiññā*) của Ngài. Bằng cách thực hiện những hành động nào đó, người này cuối cùng rơi vào trong hố phân này. Đây là loại người sẽ trở thành một bàng sanh.

Tuyến đường kế tiếp kết thúc ở đâu? Nó kết thúc ở một đồng bằng hoang vắng với một vài cây gồm có bộ lá ít ỏi. Không có nơi nào để tìm bóng mát đang lúc nóng gắt. Đức Phật có thể nói từ loại hành động đã phạm rằng một người nào đó đang đi trên con đường này đi đến nơi này không có nơi trú ẩn khỏi cái nóng như thiêu. Vùng khô khan và cằn cỗi này là nơi của Ngạ quỷ (*peta*). Theo những gì Ngài

[49] Như trong Majjhima paṇṇāsa Pāḷi của Majjhima Nikāya.

thấy, những ai đến đây phải cam chịu sự mệt nhọc, lao khổ và điều kiện sống cùng khổ.

Còn như con đường kế tiếp: giả sử ai đó đang nhìn xuống từ đỉnh của một ngọn đồi. Vị ấy thấy một người đi dọc theo con đường dẫn đến một cái hồ được bao quanh bởi những cái cây lớn. Như vậy, người này cuối cùng sẽ đến trong một khu rừng có bóng râm. Theo cùng cách, Đức Phật có thể nói do một hành động hay nghiệp riêng thì vị ấy sẽ đến nơi ở mát mẻ và dễ chịu này để lưu lại: đây là cõi nhân loại.

Kế đến, một con đường khác kết thúc trong một lâu đài nguy nga với một mái nhà tháp, bên trong được trang bị đồ đạc tốt. Chỉ bằng việc thấy ai đó đi dọc theo con đường này, chúng ta biết rằng cuối cùng vị ấy sẽ đến lâu đài xinh đẹp này. Như vậy, Đức Phật cũng biết qua những hành động của một người, tuyến đường nào vị ấy đã đi và kết thúc của nó. Trong trường hợp này, Ngài có thể thấy người này đã đến cõi trời (*deva*) sống yên bình và hạnh phúc trong lâu đài lớn này, không bị tai hại và nguy hiểm.

Như vậy, Đức Phật đã dùng những điều tương tự này trong bài thuyết của Ngài về các cõi hiện hữu khác nhau để chỉ ra cho chúng ta rằng theo nghiệp của chúng ta đã làm, chúng ta sẽ đến kiếp sống tương ứng. Bằng cách đi theo một tuyến đường riêng, nó sẽ dẫn chúng ta đến một nơi ở riêng. Như vậy, sắp tới khi biết về nghiệp, chúng ta sẽ hiểu các loại nghiệp khác nhau đã thực hiện và nơi chúng sẽ mang lại cho người thực hiện.

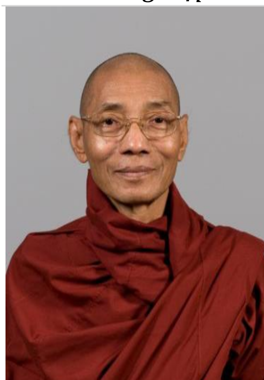
Kết quả là sự đa dạng của chúng sanh lang thang qua 31 cõi hiện hữu theo nghiệp của họ. Như vậy, nghiệp là gốc. Qua đó, tâm tái tục (*paṭisandhi*) bị trợ tạo, cho nên: ở cõi này hay cõi kia, chúng ta đi đến sự sống. Sau đó, nếu chúng ta không thể làm những việc thiện, thay vào đó làm bất thiện, thì sẽ không có nhiều sự yên bình và ổn định trong vòng luân hồi. Như vậy, có một câu nói ở Miến Điện: Tỏa sáng rực rỡ ở cõi Phạm thiên (*Brahma*), và rồi lại ủn ỉn ở tại máng ăn của con heo. Không thể tái tục làm một con heo ngay sau khi qua đời ở cõi Phạm thiên. Trong việc tu tập pháp chỉ tịnh (*samatha*) của chư Phạm thiên, sức mạnh của pháp thiện (*kusala*) là rất lớn. Do đó, vào lúc tử, họ không thể trực tiếp tái tục làm bàng sanh. Họ có thể xuất hiện trong thế giới nhân loại hay các cõi trời. Chỉ ở kiếp sống thứ ba, họ mới có thể chịu số phận kiếp sống của một con heo. Cho đến bây giờ là vì họ chưa được miễn khổ cảnh (*apāya*). Tại sao điều này là như vậy, đó là vì họ vẫn chưa tự dọn cho trong sạch bên trong bản thân mình.

Trước tiên, chúng ta phải dọn dẹp bên trong, nơi vẫn còn bẩn và trong tình trạng bừa bộn. Đây là việc chính. Vấn đề là việc của tham, sân, si (*lobha*, *dosa*, *moha*) và các phiền não (*kilesa*) khác. Chừng nào mà chúng vẫn còn ngủ ngầm theo chúng ta, chúng ta vẫn sẽ tiếp tục thực hiện nghiệp bất thiện (*akusala kamma*). Chừng nào chúng ta vẫn còn tiếp tục hành theo pháp bất thiện, chúng ta vẫn sẽ tiếp tục luân hồi trong 31 cõi. Nếu chúng ta tình cờ làm điều tốt, chúng ta sẽ đến một nơi tốt. Nếu chúng ta làm điều xấu, chúng ta sẽ đến một nơi xấu. Theo cách này, chúng ta trôi

dạt - lúc ngược dòng, lúc xuôi dòng - qua vòng luân hồi (*saṃsāra*). Chúng ta đi lung tung trong hành trình của kiếp sống.

Đây là lý do tại sao Đức Phật dạy các cõi hiện hữu dựa trên nghiệp (*kamma*). Vì nghiệp là nền tảng, nên yếu tố quyết định dựa vào chính chúng ta.

_____( )_____



*"Như du khách, chúng ta đi qua suốt kiếp sống bắt đầu từ trong tử cung của người mẹ. Vào lúc này hay lúc khác, chúng ta sẽ phải xuống xe ở cuối cuộc hành trình. Mỗi người bám chặt vào vé của nghiệp, chúng ta sắp về điểm đến là nơi tương ứng riêng của mình."*

**Trong "Kamma – Nghiệp vào lúc tử và tái tục" Sayawaw Dr. Nanda-mālābhivaṃsa giải thích quá trình mà nghiệp đưa chúng ta đi ngay trước khi tử để gieo hạt giống của nó cho kiếp sau.**

**Song song, Sayadaw làm sáng tỏ một số quan niệm sai lầm phổ biến về linh hồn hay hồn ma, một kiếp sống tạm trước khi tái tục, tái sinh, đầu thai, v.v… Hỏi "Ai là người chuyển từ kiếp này sang kiếp khác?" và "Ai tạo nghiệp và ai nhận quả của nghiệp? Ngài bác bỏ quan niệm về một thực thể hay linh hồn thường hằng. Các vấn đề như nhân bản và hiệu quả của việc cầu nguyện để dừng lại nghiệp cũng được nêu ra.**

_____( )_____

## Chia Phước

***Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā’vahaṃ hotu.***
***Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.***
***Mama puññabhāgaṃ sabbasattanaṃ bhājemi;***
***Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.***

___()___

Hoàn thành tại Châu Đốc - An Giang
Ngày 15 tháng 4 (trước), năm Canh Tý
Đúng ngày 24 tháng 5 năm 2020
Phật lịch 2564 - Dương lịch 2020